

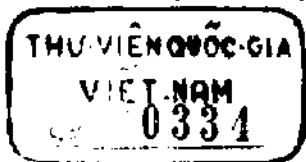
# HỌC - VIỆN QUỐC - GIA HÀNH - CHÁNH

*Luận Văn Tốt Nghiệp*

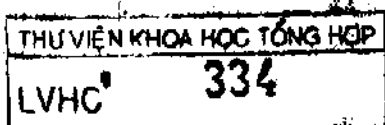
## PHÊ - BÌNH LUẬT

## " NGƯỜI CÀY CÓ RUỘNG "

DƯỚI CHÍNH THỂ ĐỆ II CỘNG - HÒA



Sinh - viên **NGUYỄN-NGỌC-HÙNG**  
Ban Đốc Sự Khóa 17



''Học-viện Quốc-Gia Hành-Chánh  
không tán thành cũng không phản  
đối những ý-kiến phát biểu trong  
luận-văn này. Những ý kiến đó do  
tác-giả hoàn-toàn chịu trách-  
nhiệm''.

CHÂN-THÀNH CẢM-TẠ

Tiến-sĩ NGUYỄN-VAN-HÀO  
Tổng Đốc Quĩ Phát-triển kinh-tế Quốc-Gia.  
Giáo-sư Học-Viện Quốc-Gia Hành-Chánh.

Đã khích lệ và tận tình hướng-dẫn chúng tôi trong việc  
hoàn-thành luận-văn này.

THÀNH KÍNH TRI-ÂN :

- Giáo-sư Viện-Trưởng
- Giáo-sư Phó Viện-Trưởng
- Toàn thể Quý-vị Giáo-sư.

Đã giảng-huấn trong suốt học-trình tại Học-Viện.

KÍNH về BA ME :

Ông NGUYỄN-NGỌC-TRƯỜNG  
Bà TRẦN-THỊ-HƯỜNG.

Với tất cả lòng triu kính của con.

# MỤC-LỤC

	Trang
<u>Phần dẫn nhập</u> , Tóm-lược, Đề nghị	1 - 14
<u>Phần thứ Nhất</u> : Giới thiệu Luật "NCCR"	15 - 42
<u>Chương I</u> : Lịch-sử Công cuộc CCDD tại VN từ thời Quân-chủ đến Đệ I C.H	15 - 24
<u>Tiết I</u> : Thời quân chủ	16 - 17
II : Thời Pháp thuộc	18 - 19
III : Thời V.M và Bảo-Đại	20
IV : Thời đệ I Cộng-Hòa	21 - 24
<u>Chương II</u> : Luật 3/70 ấn-định chính sách "NCCR" Dưới chính thể đệ II Cộng-Hòa.	25 - 42
<u>Tiết I</u> : Những lý-do thúc đẩy việc hình thành Luật "NCCR"	25 - 28
a) Lý do xã-hội	26
b) Lý-do chính trị	26 - 27
c) Lý-do kinh-tế	27 - 28
<u>Tiết II</u> : Diễn trình hình Luật "NCCR"	28 - 32
a) Dư luận của Hành-pháp	28 - 29
b) Dư luận Hạ-nghị-Viện	29 - 30
c) Dư luận Thượng-nghị-Viện	30 - 32
<u>Tiết III</u> : Nội dung Luật "NCCR"	32 - 35
<u>Tiết IV</u> : Các văn kiện lập qui	36 - 41
<u>Tiết V</u> : Kết quả của chính sách "NCCR" từ 26.3.70 đến 26.3.1972	41 - 42
<u>PHẦN THỨ HAI</u> : PHÊ-BÌNH LUẬT "NCCR"	43 - 82
<u>Chương I</u> : Về phương diện lý-thuyết	43 - 51
<u>Tiết I</u> : Luật "NCCR" với Hiến-pháp 1.4.67	44 - 45
II : Nhận định những điểm then chốt của Luật "NCCR"	45 - 51
a) Hữu sản hóa nông dân	45 - 46
b) Cấp phát vô thường	46 - 47

c) Phân cấp công điền	47
d) Bãi bỏ chế độ tá canh và nạn trung gian bao tá	48 - 49
e) Những người thụ hưởng	49 - 51
<b>Chương II</b> : Về phương diện thực tế.	52 - 78
<b>Tiết I</b> : Những trở lực trong việc thi hành Luật "NCCR"	52 - 61
a) Bất an ninh	52 - 53
b) Thủ tục rườm rà	53 - 55
d) âm mưu phá hoại của C.S.	55 - 56
Thương phế binh, đại diện chủ và phản ứng của nông dân	56 - 61
<b>Tiết II</b> : Thẩm định giá trị của Luật "NCCR"	61 - 69
a) Với công cuộc CCRD của HCCPMN	61 - 64
b) Luật "NCCR" và 3 phương diện xã-hội, kinh-tế, chính-trị	64 - 69
<b>Tiết III</b> : Những biện pháp bổ khuyết cho Luật NCCR	69 - 78
<b>IV</b> : Những biện pháp kinh-tế	69 - 75
a) Nông tín	69 - 70
b) Đánh thuế điền nông dân	70 - 71
c) Tổ chức nông dân HTX nông nghiệp	71 - 72
d) Cơ giới hóa nông nghiệp	72 - 73
e) Chương trình dinh điền và Khu trừ mật	73
g) Tăng năng suất : thủy-nông, thâm canh, hạt-giống, phân bón, thuốc sát trùng	73 - 75
<b>Những biện pháp khác</b>	75 - 78
a) Chủ trương quân sự chính-trị song hành	75
b) Giảm vị hóa thủ tục	75.

c) Đập tan âm mưu xuyên tạc của C.S	75 - 76
d) Kiến toàn cơ cấu tổ chức, nhân sự	76
e) Giáo-dục	76 - 77
g) Hạ tầng cơ sở, giao thông, điện-khí hóa nông thôn	77 - 78
<u>Chương III</u> : Đề nghị một chính sách CCDD áp dụng tại VECH.	79 - 83
Tiết I : Những nguyên tắc điều hướng cho một cuộc CCDD	79 - 80
a) Bình đẳng kinh tế	79
b) Tự do sinh tồn	79
c) Tăng gia sản xuất	79
d) An ninh xã hội	79
e) An lạc công cộng	79
g) Chỉ cách ôn hòa	80
Tiết II : Đề nghị CCDD	80 - 83
A) Chủ trương của chính sách CCDD	80
B) Chính sách CCDD gồm 3 giai đoạn	80 - 83
a) Phân chia ruộng đất công bằng, hợp lý	80 - 81
b) Tổ chức các cộng đồng thôn ấp	81 - 82
c) Tận dụng đất đai di dân đến kỹ nghệ hóa xứ sở	82 - 83
<u>PHẦN KẾT LUẬN</u> :	84 - 85



# PHẦN DẪN NHẬP

\* II ÓM - LƯỢC

\* III Ề - NGHỊ

## THƯ-VIỆN QUỐC-GIA

Ước vọng thâm kín và sâu xa nhất của Quốc-Gia đang trên đường phát-triển Á, Phi là thoát khỏi tình trạng chậm tiến hiện nay. Những trở lực lớn lao đến với các Quốc-gia này là một mặt phải đương đầu với những bất ổn chính-trị, mặt khác phải đối phó với hai thứ giặc : giặc đói và giặc dốt kém.

Tuy cố gắng nhằm bắt kịp hoặc không bị bỏ xa nhịp phát triển của các quốc-gia tiên tiến, các quốc-gia thiếu mở mang đã thiết định những kế hoạch với sự kỹ nghệ hóa các hoạt động trong nước nhưng bước đầu tiên vẫn là cải thiện nông nghiệp với công cuộc cải cách điền địa.

Nhiều tác giả kinh tế đã cho rằng phải kỹ nghệ hóa mới mong thoát khỏi tình trạng chậm tiến hiện nay, như Higgins trong "Economic Development and Cultural change" đã viết : "Một sự tiến hóa chậm chạp là có óc chủ bại và thực ra còn nguy hiểm. Chính sự tiến hóa chậm chạp này là lý-do không thể thành công trước tất cả các trở ngại", một chương trình nếu không mang lại những thay đổi lớn lao thì không bao giờ có thể đưa tới một sự phát triển tự sinh và lũy tích.

Nhưng Meier và Baldwin đã thực tế hơn khi nhận xét : "đáng lẽ nhất quyết đi tới kỹ nghệ hóa với sự can thiệp trực tiếp của chính phủ thì có nhiều chương trình phát-triển hiện nay bắt đầu bằng những cố gắng để cải tiến nông nghiệp". Hai kinh tế gia này đã nêu ra những lý do sau :

- Khu vực nông nghiệp là khu vực kinh tế chủ yếu, nông nghiệp được cải tiến sẽ tạo căn bản cho sự phát triển lâu dài.

- Phải cải thiện đời sống cho đại đa số nông dân hầu giảm bớt sự chênh lệch giữa nông thôn và thành thị.

- Không thể quan niệm sự phát triển kỹ nghệ trong một khung cảnh kinh tế lạc hậu trừ trường hợp muốn duy trì một cơ cấu lưỡng thể như thời kỳ quốc gia còn là thuộc địa Tây-Phương.

Trở về hiện trạng nông thôn V.N., vấn đề cải cách điền địa là một nhu cầu cấp bách trong hiện tại cũng như khi hòa bình văn hồi, quả vậy :

Là một quốc gia hướng nông, tỷ lệ nông dân lên đến 70o/o, nguồn nhân lực sung mãn như vậy chỉ có khu vực nông nghiệp mới đủ khả năng thu hút kỹ nghệ nước nhà còn đang trong thời kỳ phôi thai, chưa kể rằng lợi tức của khu vực nông nghiệp còn đóng góp trên dưới 30o/o tổng sản lượng quốc gia (nông nghiệp V.N. không những phải thỏa mãn nhu cầu tiêu thụ nông sản trong nước mà còn đóng góp từ 90o/o đến 95o/o trong tổng số giá trị sản phẩm xuất cảng hàng năm để đem về ngoại tệ cho quốc gia). Và chẳng, dân trí V.N. nói chung và nông trí nói riêng còn thấp kém, khu vực này ít vận dụng đến kiến thức chuyên môn, chỉ khi nông nghiệp đi dần vào việc cơ giới hóa, nông dân mới cần huấn luyện để xử dụng những máy móc từ Tây-phương nhập nội.

Trải qua gần 100 năm bị đô hộ bởi người Pháp, với chủ trương tập sản điền địa, cảnh tượng xã thôn V.N. là đại điền chủ với : " Ruộng cò bay gãy cánh " trong khi tá điền : " Một con tép rông ăn ba chén cơm ".

Sinh hoạt nông thôn bất công như vậy là môi trường thuận tiện cho C.S xâm nhập, C.S đã từ rừng núi chiếm nông thôn rồi bao vây thành thị. Chúng ta chỉ có thể tự hô hào kiểm soát được 95o/o dân số nếu chúng ta làm chủ được toàn diện nông thôn, một chính quyền chỉ vững và mạnh nếu được nông dân ủng hộ.

Đến đây, chúng ta đã nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề CCED, nhưng CCED là gì ?

Dorien Wariner trong bài khảo cứu về Cải-Cách Điền Địa và phát triển kinh tế (Land reform and economic development) đã định nghĩa<sup>1</sup> sự tái phân phối quyền tư hữu về điền sản, về số tiền lời của các tiểu nông gia và nông dân.

Một định nghĩa khác cho rằng CCED là tất cả các sự cải tiến trong lãnh vực kinh tế nông nghiệp, định nghĩa này dành cho CCED một phạm vi hết sức rộng lớn vì bao gồm nhiều vấn đề như giải quyết nạn cho thuê ruộng đất, lợi tức của nông dân, cải tiến hệ thống tín dụng, tổ chức hợp tác xã, giáo dục nông dân.

Định nghĩa trên đây phù hợp với quan niệm của tổ chức Liên-Hiệp-Quốc về vấn đề CCED. Liên-Hiệp-Quốc cho rằng CCED là một chương trình tích cực xử dụng đất đai một cách hữu hiệu nhằm phụng sự toàn thể quyền lợi của nông dân, như vậy CCED bao gồm tất cả cải định chế kinh-tế, xã hội chi phối sinh hoạt nông thôn.

Sau khi có được một định nghĩa tổng quát về CCED, luận văn này sẽ thảo luận Luật : "NCCR" dưới chánh thể Đệ II Cộng-Hòa trong 2 phần :

### PHẦN I.- GIỚI THIỆU LUẬT "NCCR".

CHƯƠNG I : Lịch-sử công cuộc CCED tại V.N. từ thời Quân-chủ đến Đệ I Cộng-Hòa.

Tiết I : Thời Quân-Chủ.

A/- Chế độ điền thổ dưới thời Đinh-Lê : với nhà Đinh nông dân lãnh canh rồi nộp địa tô cho nhà vua ; qua thời Nhà Lê, vua Lý-Thái-Tổ định lại số bộ để phân chia ruộng đất.

B/- Chế độ điền thổ dưới triều Nguyễn : để gia tăng diện tích canh tác, các vua triều Nguyễn đã : khuyến khích tư nhân khai hoang, làng xã khai hoang và thiết-lập đồn điền.

### Tiết II : Thời Pháp-Thuộc.

A/- Tại Nam kỳ : người Pháp nắm chủ quyền tối thượng về đất đai. Hai nghị-định 1-5-1863 và 22-6-1863 nhằm khai thác Nam-kỳ, nâng đỡ người Pháp và bòn tay sai.

B/- Tại Trung và Bắc-Kỳ : toàn quyền De Lanessan thiết lập các tiểu nhượng địa, cơ sở nông nghiệp nhằm ngăn chặn những phần tử kháng chiến xâm nhập đồng bằng, giải quyết nạn thất nghiệp.

### Tiết III : Thời Việt-Minh, Bảo-Đại.

Chủ trương C.S là bản cùng hóc nông dân, đấu tố địa chủ, nhà nước C.S là tân địa chủ. Với vua Bảo-Đại một vài văn kiện pháp lý được ban hành nhưng chưa thi hành.

### Tiết IV : Thời Đệ I Cộng-Hòa.

Chương trình CCĐĐ gồm 2 giai đoạn :

A/- Dự số 2 và 7 cải thiện đời sống tá điền : Dự số 2 bố túc cho Dự số 20 qui định kế ước thuê ruộng và Dự số 7 bắt chủ điền phải canh tác hay đem cho thuê.

B/- Dự số 57 : tái phân ruộng cất để hữu sản hóa nông dân và hướng địa chủ vào hoạt động kỹ nghệ.

C/- Phê bình : 20o/o số Xã không thi hành, 70o/o kế ước hết hạn, 2/3 số Xã không có địa bộ, 1/2 số ruộng truất hữu được tái phân, 15o/o nông dân được cấp bằng khoán 10o/o công điền công thổ phát canh.

CHƯƠNG II : Luật số 3/70 Ấn định chính sách "NCCR" dưới chính thể Đệ II Cộng-Hòa.

Tiết I : Những lý do thúc đẩy việc thành hình Luật "NCCR".

A/- Lý do chính trị : nhà cầm quyền đã xem Luật là phương tiện chiến-tranh để hỗ trợ cuộc chiến đấu chống C.S và trong tương lai, cuộc đấu tranh chính trị có thể xảy ra, vậy phải lo tranh thủ nhân dân.

B/- Lý do kinh tế : CCEĐ tạo công ăn việc làm, tạo thặng dư nông phẩm xuất cảng để thâu ngoại tệ.

C/- Lý do xã hội : là một quốc gia hướng nông, tôn trọng quyền tư hữu, nên sự bất công đóng khung trong lãnh vực điền địa.

Tiết II : Diễn trình hình thành Luật "NCCR".

A/- Dự thảo luật 98/69/HP của Hành-Pháp : cấp phát vô thường 3 hay 5 mẫu cho nông dân hiện canh; Điền chủ trực canh được giữ lại 30 mẫu; bồi thường : 20o/o tiền mặt, 80o/o trái phiếu lúa trong 8 năm với lãi suất 5o/o.

Dự luật đã không trừ liệu nông dân cấy mướn, không nâng đỡ quần nhân, công chức.

B/- Dự án Luật CCBE tại Hạ-Viện : nhằm hữu sản hóa nông dân, khẩn hoang, cơ giới hóa nông nghiệp.

a) Các nét chính : Suất lưu trí 15 mẫu tại Nam-Phần và Cao-nguyên Trung-Phần, 5 mẫu tại Trung-phần. Bồi thường : 100o/o cho 10 mẫu đầu bị truất hữu, 50o/o cho 20 mẫu kế tiếp, 25o/o cho mẫu thứ 31 trở lên, dư số còn lại được trả bằng trái phiếu trong 5 năm với lãi suất 5o/o. Cấp phát 3 mẫu tại Nam và Cao-nguyên, 1 mẫu tại Trung-phần cho : nông dân hiện canh, quần nhân, công chức, công nhân nông nghiệp... Khẩn hoang và tổ chức nông trường cơ giới.

b) Phê bình : tuy rõ ràng và đầy đủ nhưng dự luật chỉ hạn chế chế độ tá canh, làm rõ, việc bồi thường cho điền chủ e ngân sách quốc gia không kham nổi.

c) Dự án luật "NCCR" tại Thượng-viện : Hữu-sản-hóa nông dân, phát triển nông nghiệp, bãi bỏ chế độ tá canh, làm rõ, trung gian bao tá. Điền chủ trực canh được giữ lại 5 mẫu tại Nam và 3 mẫu tại Trung-phần; phân cấp công điền, công thổ, bồi thường : 20o/o tiền mặt, 80o/o trái phiếu trong 8 năm với lãi suất 5o/o. Tiểu điền chủ có từ 5 mẫu xuống bị truất hữu được trả trọn bằng tiền mặt. Cấp phát vô thường 5 mẫu tại Nam và 3 mẫu tại Trung-phần.

Tiết III : Nội dung Luật số 3/70.

Ngày 26-3-1970 tại Cần-Thơ, Tổng-Thống VNCH đã ban hành Luật số 3/70 gồm 6 chương với 22 điều.

\* Chương I : Mục đích và biện pháp : để hữu sản hóa và tạo cơ hội thăng tiến cho nông dân; chính quyền truất hữu có bồi thường để cấp phát cho nông dân; bãi bỏ chế độ tá canh, bao tá và phân cấp công điền.

\* Chương II : Phạm vi áp dụng.

a)- Ruộng đất bị chi phối : ruộng trồng lúa, hoa màu phụ.

b)- Ruộng đất không bị chi phối : ruộng do điền chủ trực canh không quá 15 mẫu; ruộng hương hỏa, nghĩa trang không quá 5 mẫu; ruộng tôn giáo; ruộng đất kỹ nghệ, chăn nuôi, đồng bào Thượng.

\* Chương III : Bồi thường : 20o/o tiền mặt, 80o/o bằng trái phiếu trong 8 năm với lãi suất 10o/o.

\* Chương IV : Những người thụ hưởng ? Cấp phát 3 mẫu tại Nam và 1 mẫu tại Trung cho : nông dân hiện canh, quân nhân, công chức, công nhân nông nghiệp.

\* Chương V : Biện pháp chế tài : truất hữu không bồi thường những điền chủ, nông dân không trực canh, tổ chức Tòa-Án Điền-Địa.

Tiết IV : Các văn-kiện lập qui.

A/- Sắc lệnh số 072 SL/CCDD. PTNNM ngày 5-6.1970

B/- Nghị-định số 343-BCCDDNN/HCTC3/NĐ ngày 23-6-1970.

C/- Kế hoạch thi hành chương trình NCCR ngày 26-6-1970.



Tiết V : Kết quả của chính sách NCCR sau hai năm.

Diện chủ kê khai mẫu A	: 289.888	Diện tích	: 638.924	Ha
Diện chủ kê khai mẫu B	: 50.251	"	: 801.214	
Đơn xin trực canh	: 664.673	"	: 803.971	
Đơn chấp thuận trực canh	: 621.573	"	: 765.396	
Chứng khoán đã cấp	: 530.610	"	: 670.743	
Chi trái phiếu	: 39.385	"	: 351.209	

PHẦN II :- PHÊ BÌNH LUẬT 'NCCR'

CHƯƠNG I : Về phương diện lý thuyết.

Tiết I : Đối chiếu Luật 'NCCR' với Hiến-Pháp  
1/4/1967.

A/- Thực thi một số điều khoản về quyền kinh tế và xã hội.

- Điều 19 đoạn 2 : 'hữu sản hóa nhân dân'.

- Điều 19 đoạn 1 và 3 : 'quyền tư hữu bị hạn chế bằng bồi thường'.

- Điều 20 đoạn 3 và đoạn 21 : 'nâng đỡ thành phần yếu kém kinh tế'.

- Điều 24 : 'Công nhận sự hiện hữu các sắc dân thiểu số'.

B/- Cải lương hóa quyền tư hữu : Suất lưu trí chỉ còn 15 mẫu với điều kiện trực canh.

Tiết II : Nhận định những điểm then chốt.

A/- Hữu sản hóa nông dân : nâng đỡ thành phần này mới mong đấu tranh chính trị với C.S, san bằng bất công, phát triển kinh tế.

B/- Cấp phát vô thường : vì nông dân quá nghèo; kinh nghiệm cho thấy, dưới chính thể Đệ I Cộng-Hòa, tiền hành thu chỉ 100/o đến 150/o khi đói hạn.

C/- Phân cấp công điền : để phù hợp với nguyên tắc địa phương phân quyền, xã phải dùng tiền bồi thường vào hoạt động sinh lợi : ngân hàng nông thôn, trại chăn nuôi...

D/- Bãi bỏ chế độ tía canh và trung gian bao tía : e cốt đai không tăng kịp đà gia tăng dân số, do đó chỉ cần cải thiện trong phạm vi và thời gian.

E/- Những người thụ hưởng : Khuyết điểm khi giao đất cho thành phần không chuyên nghiệp : công chức, quân nhân, gia đình tử sĩ.

## CHƯƠNG II : Về phương diện thực tế.

### Tiết I : Những trở lực.

A/- Bất an ninh : đo đạc sai, phân ranh không chính xác, định năng suất thiếu hợp lý.

B/- Thủ tục rườm rà : làm mất thì giờ dân chúng, không tạo được xúc động tâm lý, giảm thiểu tác dụng chính trị mà còn gây những thiệt hại về kinh tế.

C/- Âm mưu phá hoại của C.S : đối với chủ điền bọn C.S hâm nóng lòng căm phẫn, với tá điền chúng bắt đóng địa tô, vậy chúng đã "một tên bắn hai chim".

D/- Phản ứng của quân nhân, công chức; sự chống đối của thương phế binh, đại địa chủ và thái độ củ nông dân.

a) Phản ứng của quân nhân, công chức : do tinh thần bảo thủ muốn giữ nguyên trạng.

b) Sự chống đối của thương phế binh, đại điền chủ : thương phế binh đã phân biệt với nông dân, đại điền chủ bất mãn vì bồi thường chậm.

c) Thái độ của nông dân : vẫn còn những hăm dọa của chủ điền, giá lúa sụt, phân bón giá cao, phải đóng thuế.

Tiết II : Thẩm định giá trị của Luật "NCCR".

A/- So sánh với công cuộc CCDD của NTGPMN.

I) Chính sách CCDD của V.C : Người cày có ruộng, tôn trọng ruộng đất của tôn giáo, tịch thu ruộng của địa chủ, để quốc Mỹ.

II) Luật 3/70 với chính sách CCDD của V.C :

a- Luật 3/70 nhằm hữu sản hóa nông dân, tôn trọng quyền tư hữu; đối với V.C việc cấp đất có hậu ý chính trị; không công nhận quyền tư hữu.

b- Luật 3/70 bồi thường cho điền chủ bị truất hữu còn V.C cướp ruộng của chủ điền.

c- Luật 3/70 nhằm san bằng bất công tại nông thôn, phát triển nông nghiệp, xây dựng dân chủ, còn V.C cấp đất nhằm đấu tranh chính trị, gây căm phẫn giữa chủ điền và tá điền.

B/- Luật 'NCCR' về 3 phương diện :

I) Xã hội :

a- Ưu điểm : hữu sản hóa nông dân, tiêu diệt bất công điền địa.

b- Khuyết điểm : bất công giữa các đoàn thể vì ruộng của Giáo hội không bị chi phối, chủ điền miền Nam hy sinh hơn chủ điền miền Trung, gia đình nông dân công người không đủ sống.

II) Kinh tế :

a- Ưu điểm : công nhận quyền tư hữu cho nông dân, năng suất sẽ gia tăng và nông nghiệp phát triển.

b- Khuyết điểm : đến bây giờ mới dự trù hoán đổi các cổ phần trong xí-nghiệp Quốc-doanh.

III) Chính trị :

a- Ưu điểm : nông dân sẽ chống lại khuyh đảo một chế độ đã thừa nhận quyền tư hữu.

b- Khuyết điểm : chỉ là một chương trình hữu sản hóa nông dân trong chính sách CCDB.

Tiết III : Những biện pháp bổ khuyết.

A/- Những biện pháp kinh tế :

a- Nông tìn : khả năng đòi dàu, nông tìn kinh tế, ý thức trách nhiệm ở nông dân.

b- Đánh thuế điền nông dân : từ 30/o đến 50/o, thấp hơn V.C. 100/o.

c- Hợp tác xã nông nghiệp, tổ chức nông dân :  
cần thống nhất tổ chức nông dân, bình trưởng hợp-tác-xã.

d- Cơ giới hóa nông nghiệp : sử dụng nông cơ,  
nông cụ trung đẳng.

e- Chương trình dinh điền và khu trú mật : tái  
dụng chương trình dinh điền và khu trú mật để định cư đồng  
bào tỵ nạn C.S. nạn nhân chiến cuộc.

f- Tăng năng suất : phân thủy trong mùa nắng,  
thoát thủy trong mùa mưa; canh tác quanh năm, lựa chọn hạt  
giống có năng suất cao.

B/- Những biện pháp khác :

a- Áp dụng chủ trương quân sự, chính trị song  
hành để giúp nông dân thoát cảnh một cổ hai tròng.

b- Giảm đi hóa thủ tục : việc cấp phát tổ chức  
theo hệ thống dây chuyền.

c- Đập tan âm mưu xuyên tạc của C.S : xét lại  
chính sách thông tin.

d- Kiện toàn cơ cấu tổ chức, nhân sự : nâng  
Tổng Nha Điền Địa lên hàng Bộ CCLĐ, can thiệp để nhân viên  
được biệt phái.

e- Giáo dục : lập môn nông học tại tiểu, trung  
học.

f- Hạ tầng cơ sở : tân lập và tu sửa hương lộ,  
điện khí hóa nông thôn.

CHƯƠNG III.- Đề nghị một chính sách CCLĐ tại VNCH.

Tiết I : Những nguyên tắc điều hướng.

A/- Bình đẳng kinh tế hữu sản hóa nông dân, bồi thường điền chủ.

B/- Tự do sinh tồn : một nếp sống tự chủ kinh tế cho nông dân.

C/- Tăng gia sản xuất : khuyến khích nông dân gia tăng năng suất.

D/- An ninh xã hội : nông dân được trợ giúp để xã hội an ninh.

E/- An lạc công cộng : CCDD phải giúp cải thiện xã hội, kinh tế.

F/- Cải cách ôn hòa : thực thi theo luật pháp.

### Tiết II : Đề nghị CCDD.

A/- Chủ trương : phân chia ruộng đất công bằng, trực canh, xây dựng những cộng đồng thôn ấp, cơ giới hóa nông nghiệp.

B/- Chính sách : gồm 3 giai đoạn :

a- Giai đoạn 1 : Công điền, công thổ và ruộng tịch thu của C.S cấp phát cho nông dân và phải trực canh. Nông dân sẽ đóng từ 10/o đến 50/o tổng số huê lợi để điều hành hoạt động của xã. Điền chủ được bồi thường 100o/o cho 5 mẫu đầu bị truất hữu, 50o/o cho 10 mẫu kế tiếp, 25o/o cho mẫu thứ 16 trở đi, tiền còn lại được trả bằng trái phiếu trong 5 năm với lãi suất 5o/o. Điền chủ trực canh được giữ lại 15 mẫu tại Nam và 10 mẫu tại Trung.

Đối với tôn giáo kêu gọi lòng tự nguyện đóng góp; nếu không, được phép khai thác trong 5 năm rồi bán lại cho chính quyền.

b) Giai đoạn 2 : Tổ chức các cộng đồng thôn ấp, nông dân sẽ cộng đồng canh tác, lợi tức sẽ chia cho quỹ hợp-tác-xã công quỹ quốc gia, các nông dân. Nhờ hoạt động tập thể, việc cơ giới hóa sẽ dễ dàng.

c) Giai đoạn 3 : Tận dụng đất đai, dời khu gia cư đến các vùng hoang vu, truất hữu ruộng đất của tôn giáo, cơ giới hóa toàn diện nông nghiệp.

### PHẦN KẾT LUẬN.

Những thành quả phát sinh từ Luật "NCCR" đã được kiểm chứng sau hai năm áp dụng, nhưng CCĐĐ theo định nghĩa là cải cách chứ không phải là cuộc cách mạng nên cần một sự phát triển quân bình và hòa nhịp giữa canh nông và kỹ nghệ.



# PHẦN THỨ NHẤT

L<sub>7</sub> LỜI THIỆU  
LUẬT NGƯỜI CÀY CÓ RUỘNG.



# CHƯƠNG I

LỊCH-SỬ CUỘC CẢI-CÁCH ĐIỀN-ĐIÀ tại  
V.N TỪ THỜI QUÂN CHỦ ĐẾN ĐỆ I CÔNG-HÒA

Trong một không gian nào (Đông hoặc Tây), một thời gian nào (thời Quân-chủ hoặc Dân-chủ, tự do bây giờ) một chính sách CCĐĐ hợp lý luôn luôn là phương thức tranh thủ nhân tâm. Nhận định đúng vấn đề các triều đại dưới thời Quân-chủ nước ta đã có một vài hoạt động có thể được giải thích như những cố-gắng về quân bình điền sản, tuy nhiên kết quả thu hoạch chẳng được bao nhiêu vì quan niệm còn bảo thủ, phạm vi áp dụng còn quá hạn chế.

Thời Pháp thuộc với chủ trương hoàn toàn trái ngược "chia để trị", thay vì phân cấp ruộng đất cho dân cày, chính-phủ Bảo hộ đã tập trung điền sản vào trong tay một thiểu số người Pháp hoặc bản quốc tay sai, lợi dụng đám người này hòng đặt ách thống trị triển miên lên người dân Việt.

Thời Việt-Minh, chủ trương CCĐĐ tối hậu là bản cùng hóa nông dân, qua thời Bảo-Đại, việc tề phân chỉ có danh mà không có thực.

Công cuộc CCĐĐ dưới chính thể đệ nhất Cộng-Hòa có thể được mô tả là tảo bạo vì rằng từ đây nông dân không còn chịu địa tô quá nặng, không bị lấy ruộng bất cứ lúc nào ... Tuy nhiên, Chính-phủ Ngô-Đình-Diệm còn quá dè dặt : ấn định suất lưu trí 100 mẫu, không kiểm soát việc thi hành nên công trình CCĐĐ đã sụp đổ theo chế độ với tiếng sấm cách mạng ngày 1.11.1963.

Quá trình CCĐĐ sơ lược trên đây sẽ được trình bày trong 3 tiết sau đây :

TIẾT I : I HỒI QUÂN-CHỦ

Nhìn lại lịch sử nước nhà, chúng ta thấy việc tế phân ruộng đất đã có mầm phát khởi dưới thời Đinh, Lê nhưng phải đợi đến thời các vua triều Nguyễn mới có một vài cải cách đáng kể.

A/- Chế độ điền thổ dưới thời Đinh Lê :

- Nhà Đinh : điền thổ thuộc quyền sở hữu của nhà vua nhân dân chỉ lãnh canh rồi nộp địa tô, tuy nhiên một vài pháp nhân như tính, xã có thể được nhà vua cho hưởng quyền thu lợi ruộng đất dưới hình thức công điền, công thổ.

- Nhà Lê : vua Lê-thái-Tổ sau khi đuổi được quân Minh, nhận thấy rằng nhiều kẻ thừa dịp có loạn chiếm cứ ruộng đất, các nông dân theo vua đánh giặc, khi về cũng không còn ruộng đất nữa nên nhà vua xuống chiếu định lại số bộ, phân chia lại ruộng đất, đặc biệt bộ Luật Hồng-Đức qui định tội "biếm" để trừng phạt các nhà quyền quý ý thế chiếm đoạt ruộng đất.

B/- Chế độ điền thổ dưới triều Nguyễn :

Trong phạm vi các pháp nhân làng xã đất đai chia làm 2 loại :

- Công điền và công thổ do nhà Vua giao cho xã thôn xử dụng, xã thôn không được đem bán và phải nộp địa tô.

- Ruộng đất do tư nhân cày cấy và nộp thuế có thể di-chuyển cho con cháu, bán hoặc cầm cố; tuy nhiên quyền tư hữu trên ruộng đất này không tuyệt đối : chủ ruộng bỏ hoang không cày cấy, không nộp thuế, quyền tư hữu sẽ mất, tư điền trở thành công điền.

Trong mục đích gia tăng diện tích canh tác, các Vua triều Nguyễn đã cho thí hành các biện pháp sau đây :

**THƯ-VIỆN QUỐC-GIA**

a)- Để cho tư nhân tự do tổ chức việc khai hoang : từ thế kỷ thứ 18, các Vua triều Nguyễn cho phép tư nhân được tự do khai khẩn đất hoang, đất đai khai khẩn như thế được phép biến thành tư điền.

Không những thế, triều đình còn giúp đỡ phương tiện cho tư nhân khai khẩn những giải đất bồi miền ven biển Bắc-Kỳ, vùng Ninh-Bình, Nam-Định : cứ 5 người thì cấp 1 trâu, 1 bừa, 1 cày, 1 cuốc, 1 liềm, lương ăn trong 6 tháng và tiền làm nhà cửa. Tuy nhiên, trong trường hợp này số đất khai khẩn không hoàn toàn thuộc tư nhân mà được xem là "tư điền quân cấp" : chỉ 1/3 thuộc tư nhân 2/3 sung vào công điền.

b)- Để cho làng xã tổ chức việc khai hoang : Biện pháp này có lợi cho chính phủ, vì chính-phủ không phải lo tổ chức và hao tổn công quỹ, sau nữa diện tích trồng trọt được mở rộng cho phép giải quyết vấn đề nhân sinh.

Nhằm khuyến khích các thôn xã tổ chức việc khẩn hoang các Vua triều Nguyễn ban hành nhiều thế lệ thưởng phạt về khai hoang mà thông thường là đặt lệ miễn thuế từ 3 năm đến 6 năm tùy khu vực và tùy lúc cho các công điền vừa được khai phá.

c)- Thiết lập đồn điền : tất cả đồn điền lập ra từ đời nhà Lê trở đi đã bị phế bỏ được các Vua triều Nguyễn phục hồi bằng cách cung cấp nông cụ cho binh lính, tù phạm.

Tóm lại, nhờ các cố gắng vừa nêu trên, diện tích canh tác đã được mở rộng thêm nhiều chẳng những thỏa mãn được nhu cầu lúa gạo của dân chúng mà còn thừa thãi trong những năm được mùa.

## TIẾT II : THỜI PHÁP THỌC.

Cuộc xâm lăng của Pháp đã đem lại hậu quả là người Pháp thay thế Hoàng-Đế nhà Nguyễn nắm giữ chủ quyền tối thượng về đất đai, tuy nhiên việc thay thế này đã được thực hiện mỗi nơi mỗi khác.

A/ Tại Nam-kỳ : đây là hậu quả của sự chiếm đóng và của những hòa ước 1862 và 1874 theo đó nhà Vua nhượng cho Pháp một phần lãnh thổ với toàn thể chủ quyền.

Thí hành hòa ước thứ nhất, các chỉ huy quân đội viễn chinh đã liên tiếp ban hành nhiều Nghị-định để điều chỉnh lại tình trạng ruộng đất.

- Nghị-định ngày 1 tháng 5 năm 1863 qui định những phương thức mới bảo đảm cho quyền sở hữu đất đai, người Pháp cho phép tất cả các địa chủ có 1 văn tự hay 1 khế ước đoạn mãi không muốn bảo đảm bằng việc dâng ruộng vào địa bộ của làng có thể được sự bảo đảm của nhà cầm quyền Pháp bằng việc khai báo đơn gian và đóng thuế nhẹ.

- Nghị-định ngày 22 tháng 6 năm 1863 đã ra hạn cho dân chúng phải trở về nhìn nhận vào canh tác lại ruộng đất, quá hạn ruộng đất đó sẽ bị đặt dưới quyền xử dụng của nhà nước.

Tất cả những quyết định trên của người Pháp nhằm 3 mục đích : bình thường hóa mọi sinh hoạt của dân chúng, nâng đỡ những người công hương hay những người bán xứ đã ra cộng tác với họ, khai thác xứ Nam-Kỳ.

B/ Tại Trung-kỳ và Bắc-kỳ : sự thay thế chủ quyền tối thượng về đất đai đã diễn ra chậm chạp hơn vì chế độ chính-trị mà người Pháp thiết lập ở xứ này theo hòa ước ngày 6 tháng 6 năm 1884 là bảo hộ. Hoàng-Đế V.N vẫn còn giữ trọn quyền sở hữu

đất đai cũng như quyền trực tiếp cai trị dân chúng, tuy nhiên sau khi củng cố được phần nào thế lực người Pháp đã lần lượt can thiệp vào nội bộ của triều đình Huế.

Thống sứ Bắc-kỳ Parreau đề nghị thiết lập những tiểu nhượng địa như ở Nam-kỳ, dân bản xứ hay dân Á-châu khác được hưởng những ruộng địa tối đa là 5 mẫu tây sau khi làm xong một số thủ tục giản dị.

Cũng cần biết trong khoảng thời gian này nhiều phong-trào, nhiều sĩ phu phát cờ khởi nghĩa đuii giặc Pháp, sau một thời gian cố gắng bình định nhưng vô hiệu quả, người Pháp đã thay đổi chính sách để cướp không ruộng đất của nông dân. Toàn quyền De Lanessan đưa ra sáng kiến thiết lập ở miền châu thổ sông Nhị những cơ sở nông nghiệp do người Âu điều khiển và dùng nhân công Việt-Nam, một số khi giới được phân phát cho người bản xứ để họ tự bảo vệ chống giặc cướp.

Thực hiện chính sách này, người Pháp một mặt đã thiết lập được một vòng đai phòng thủ để ngăn chặn những phần tử kháng chiến xâm nhập vào đồng bằng, mặt khác đã giải quyết được vấn đề thất nghiệp cho những người theo họ.

Tóm lại người Pháp đã CCĐĐ nhưng với chủ trương bản cùng hóa, nô lệ hóa nông dân, tất cả những đất đai phì nhiêu màu mỡ đều lọt vào tay người Pháp hoặc những chủ điền Việt có quốc-tịch Pháp. Ví dụ : vào năm 1945 khoảng 6000 chủ điền đã nắm giữ 1.200.000 mẫu đất trong châu thổ sông Cửu-Long, 430 người Pháp đã làm chủ 250.000 mẫu ruộng, 80o/o đất vùng châu thổ do các tá điền canh tác, tô suất thường là trên 50o/o; mức lãi trong các vụ cho vay tiền làm mùa hoặc thuê gia súc đều rất cao.

### TIẾT III : THỜI BẢO-ĐẠI, CỘNG-SẢN.

A/ Thời Bảo-Đại : vào tháng 2 năm 1951, Quốc-Trưởng Bảo-Đại đã tuyên bố cần có một cuộc cải cách về qui chế tá-điền tại V.N nhưng đến năm 1952 Hội-Đồng CCDD mới được thiết lập, đó là một bước đầu quan trọng nhưng lại không có một cơ quan hành chánh nào trữ liệu và mặc dù có vài văn kiện pháp lý đã được ban hành lại không được thi hành.

B/ Thời Cộng-Sản : năm 1954 do âm mưu giữa thực dân, và Cộng-sản, hiệp định Genève ra đời với hậu quả đất nước bị chia phân, miền Bắc lọt vào ách thống trị của C.S và nhà cầm quyền miền Bắc đã "phóng tay phát động quần chúng đấu tranh chánh-trị để dọn đường cho công cuộc đấu tranh tô tức sau này". Hàng trăm ngàn địa chủ ngã gục vì đấu tố và ruộng đất của họ bị cướp không, còn đối với tá điền mà Cộng-sản gọi là bản cố nông vẫn không có gì thay đổi vì họ vẫn phải canh tác ruộng đất với tô suất nặng như trước; có khác chăng là trước kia họ phải trả địa tô cho địa chủ, còn ngày nay tân địa chủ là nhà nước Cộng-sản, nhiều khi tô suất mới còn nặng hơn tô suất cũ vì trong cuộc cải cách ruộng đất, nông dân chất phác đã nghe lời dụ dỗ đường mật của cán bộ ba cùng (cùng ăn, cùng làm, cùng ở) bình nghị ruộng đất của địa chủ lên mức cao hơn : hạng nhì lên hạng nhất, hạng nhất lên thượng hạng để bắt địa chủ đóng thuế hầu thu vét hết của chìm, của nổi : Sau khi cải cách ruộng đất hoàn thành, nông dân canh tác ruộng cũ của địa chủ vẫn phải nộp địa tô cho nhà nước C.S theo đúng mức mà trước đây họ đã bình nghị. Nhà nước C.S đã trở thành tân địa chủ của bản cố nông, đây chính là "giai cấp mới" mà nhà văn Nam-Tư Milovan Jilas đã mô tả.

TIẾT IV : THỜI ĐỀ I CỘNG-HÒA.

A/ Tóm lược : việc CCDD dưới chính quyền Ngô-đình-diệm được thực hiện trên một qui mô rộng lớn và gồm hai giai đoạn :

a)- Giai đoạn 1 : Cải thiện đời sống tá điền bằng 1 qui chế ấn định tương quan giữa chủ điền và người thuê ruộng. Đó là nội dung của Dự số 2 và Dự số 7 ban hành năm 1955.

Dự số 2 ngày 8.1.1955 canh cải và bổ túc Dự số 20 ngày 4.6.1953 qui định các khế ước thuê ruộng có một thời gian tối thiểu là 5 năm và có thể mặc nhiên tái tục. Địa tô không dưới 150/o và không trên 250/o của hoa lợi vụ mùa chính. Trường hợp mất mùa tới tỷ lệ 2/3 mùa màng, tá điền không phải trả địa tô. Khế ước thuê ruộng được lập thành 3 bản và được Hội-đồng xã nơi có ruộng tọa lạc trước bạ miễn phí. Khế ước cho thuê ruộng chỉ tiêu hủy hoặc đình chỉ thi hành khi nào người chủ điền chứng-minh trường hợp lấy lại ruộng để tự canh tác hoặc cho con cháu trực hệ khai thác với điều kiện khế ước đã thi hành được 3 năm, hoặc trường hợp tá điền không trả tiền thuê ruộng.

Dự số 7 ngày 2 tháng 5 năm 1955 qui định việc tái canh ruộng đất bỏ hoang như sau : sở hữu chủ ruộng đất bỏ hoang phải làm tờ khai các thửa ruộng không trồng trọt, phải cam đoan tự khai khẩn các thửa ruộng có hoặc đem cho thuê. Trong trường hợp cho thuê ruộng, điền chủ và tá điền phải ký khế ước loại B, nội dung là năm thứ I tá điền không phải trả tiền thuê ruộng, năm thứ II trả 1/2 số tiền thuê, năm thứ III trả 3/4 tiền thuê. Hết thời hạn 3 năm của khế ước loại B, chủ điền và tá điền ký khế ước loại A qui định trong Dự số 2. Trường hợp chủ điền vắng mặt Hội-đồng xã nơi tọa lạc ruộng đất bỏ hoang sẽ thay mặt chủ điền để ký với người thuê ruộng khế ước loại C mà các điều khoản cũng giống khế ước loại B. Số tiền thuê ruộng sẽ được ký thác vào ngân-kho hoặc quỹ tín dụng nông nghiệp ở Tỉnh, khi người chủ điền trở về chính quyền sẽ trao lại.

b)- Giai đoạn 2 : tái phân ruộng đất qui định trong Dự số 57 ngày 22 tháng 10 năm 1956, Dự này có nội dung như sau :

- Phân phối ruộng đất trên một căn bản công bằng, hợp lý.
- Giúp tá điền để họ có thể trở thành sở hữu chủ một thửa ruộng.
- Phát triển nông nghiệp, hướng các đại địa chủ vào hoạt động kỹ nghệ.

Dự 57 ấn định diện tích lưu trí tối đa cho mỗi địa chủ là 100 ha, số ruộng dư phải bán cho chính phủ để chính phủ bán lại cho nông dân.

Người được cấp phát ruộng đất phải là người Việt-Nam trên 21 tuổi (18 tuổi phải đã lập gia đình), được ghi tên vào địa bạ; phải trả góp tiền mua ruộng trong thời hạn 6 năm tính theo tiền bồi thường cho chủ điền bị truất hữu. Người thụ hưởng không được cho thuê hay cầm thế các ruộng đất được cấp phát trong thời hạn 10 năm.

Về phần điền chủ được bồi thường bằng tiền mặt trị giá 100/o trị giá ruộng bị truất hữu. Số tiền bồi thường còn lại (900/o) được trả bằng trái phiếu hữu danh có Nhà nước bảo đảm thời hạn 12 năm, lãi đồng niên 30/o. Trái phiếu CCED không phải trả một thứ thuế nào kể cả thuế lợi tức; trái phiếu này có thể dùng để trả những món nợ để đương đối với quỹ tín dụng nông nghiệp, trang trái thuế điền thổ, thuế thừa kế liên quan đến bất động sản bị truất hữu hoặc để mua cổ phần xí nghiệp do chính phủ thiết lập (công ty Cường, nước suối Vĩnh-Hảo ...).

Với sự thực hiện của Dự số 2 và số 7 năm 1955, Dự số 57 năm 1956, chính quyền đệ I Cộng-Hòa đã thu lượm được 1 số kết quả cụ thể.



- Về kế ước giữa chủ điền và tá điền được đăng ký tới ngày 31.12.1960 lên tới 794.790 chia ra loại A : 607.745, loại B : 84.668, loại C 102.477, liên hệ tới một diện tích gần : 1.300.000 ha.

- Về ruộng trấu hữu: kể từ tháng 2 năm 1957 đến tháng 12 năm 1962 chính quyền đã cấp bán cho nông dân được 213.000 ha trên 433.463 ha trấu hữu của địa chủ.

- Về việc tái canh ruộng đất bỏ hoang : năm 1955 trên một diện tích là 3.841.968 ha có tới 1.352.809 ha bị bỏ hoang, đến cuối năm 1959 chỉ còn 550.000 ha bị bỏ hoang.

B/ Phê bình : Chương trình Cải Cách ĐĐ thời Đê I Cộng-Hòa đã tạo được an ninh canh tác cho 681.037 tá điền, giúp 146.179 nông dân trở thành tiểu điền chủ, định cư được một số đồng bào tỵ nạn tại các địa điểm dinh điền và do đó đã góp một phần nào việc tăng gia sản lượng nông nghiệp. Chương trình đó cũng hướng dẫn các đại địa chủ qua hoạt động kỹ nghệ bằng cách giúp họ dùng trái phiếu CCĐĐ để mua cổ phần các xí nghiệp do chính phủ thiết lập.

Tuy nhiên vì chính quyền quá rụt rè không dám thực hiện gấp rút chương trình, không dám đòi hỏi một sự hy sinh đáng kể hơn nữa của giới đại địa chủ cho nên cuộc CCĐĐ thời đó quá chậm chạp và tốn kém.

- Về việc thi hành qui chế tá điền, Viện khảo cứu Stanford trong cuộc điều tra năm 1967 đã thấy rằng không có sự kiểm-soát chặt chẽ, chẳng hạn 2/3 số xã trong toàn quốc không có sổ đăng ký kế ước thuê ruộng hoặc có nhưng đã trở nên vô dụng vì không được cập nhật hóa, 20o/o số xã không hề thi hành chương-trình 70o/o số kế ước ký kết đã hết hạn; trong nhiều trường hợp qui chế tá điền không được tôn trọng nhất là tại Trung-phần.

- Về việc tái phân ruộng đất, Dự 57 đã gặp phải nhiều trở ngại. Chủ điền khai không chính xác về diện sản của họ, tá điền không hiểu rõ quyền lợi của mình, việc đo đạc bị khiếm khuyết vì thiếu an ninh và thất lạc địa bộ, do đó có nhiều sự sai lầm trong việc truất hữu như đo đạc lầm công sản; truất hữu lầm quát lưu trí và đất hương hóa, lộn điền sản của người này làm của người khác. Ngoài ra có nhiều sự chậm trễ : chỉ có trên một nửa số ruộng truất hữu trong những năm qua được tái phân và chỉ độ 150/c số nông dân được cấp ruộng nhận được bằng khoán thiết thọ mà thôi. Về phía địa chủ, họ bất mãn vì số tiền bồi thường về sự trả tiền trong một thời gian khá lâu. Chương trình tái phân ruộng đất của Dự 57 hãy còn quá bảo thủ : suất lưu trí 100 ha còn quá cao khiến đa số nông dân chưa được tư hữu hóa, ruộng của Pháp kiểu không cấp cho nông dân mà lại để cho các Tỉnh Quản trị : công điền công thổ mới chỉ phát canh cho tá điền chừng 100/o và ới tô suất cao hơn tô suất luật-định, ruộng của các Tôn giáo trên 100 ha trong thực tế vẫn chưa được truất hữu.

Nói chung, chương trình Cải-Cách Điền-Đia thời Đệ I Cộng-Hòa đã không được tất cả các cơ quan thi hành mạnh mẽ nhiều khi cơ quan hành chánh địa phương : Tỉnh, xã đã coi nhẹ công cuộc này. Ngoài ra nó còn gặp trở ngại gay go nhất tại nông thôn sự phá hoại của Việt-Cộng.

# CHƯƠNG II

LUẬT SỐ 3/70 AN-BÌNH CHÍNH SÁCH  
'NCCR' dưới CHÍNH THỂ ĐỆ II CỘNG-HÒA

Nhận định vấn đề quân bình điền sản còn nông cạn, hạn chế cũng như những khuyết điểm vấp phải trong việc thực thi của các chế độ trước, thêm vào đó tình thế mới với những nhu cầu mới đặt ra cấp bách không cho phép nhà cầm quyền nền đệ II Cộng-Hòa tiếp tục áp dụng chính sách CCBD của những thời đại qua, phải sáng tạo 1 chính sách mới cách mạng hơn, tiến bộ hơn phù hợp với thực tại và thực tế hơn.

Những lý do về phương diện chính trị (nhằm tranh thủ nhân tâm, đặc biệt là nông dân), kinh tế (gia tăng sản lượng lúa gạo), xã hội (giảm bớt hay san bằng bất công) đã thúc đẩy không những Hành-pháp mà còn Lập-pháp sớm thành hình chính sách CCBD. Quả vậy, trước khi Luật 'NCCR' được ban hành, nhiều dự án và dự thảo luật đã được các Nghị-sĩ, Dân biểu và giới chức Hành-pháp đề nghị, sự dung hợp các dự luật này đã đưa đến sự xuất hiện luật 'NCCR'.

Như vậy chúng ta sẽ tìm hiểu những lý do thúc đẩy Hành pháp phải thực hiện một cuộc CCBD được thể hiện qua luật số 3/70 ấn định chính sách 'NCCR', điển hình thành luật 'NCCR', nội dung luật 'NCCR' các bản văn lập qui và cuối cùng là kết quả thu hoạch được sau 2 năm thi hành.

## TIẾT I : NHỮNG LÝ-DO THỨC ĐẨY VIỆC THÀNH HÌNH LUẬT 'NCCR'.

Cuộc chiến tranh do C.S phát động tại miền Nam hiện nay đã được mô tả là chiến tranh nhân dân với sách lược 'lấy nông thôn bao vây thành thị' nên việc thu phục nông dân được đặt

ra cấp bách. Muốn làm chủ nông thôn, nhà cầm quyền phải cải tạo xã hội giúp nông dân đập đổ kiếp cũ tối tăm, xây dựng đời mới và như vậy triển vọng gia tăng sản lượng nông nghiệp mới có thể được đặt ra.

A/ Lý do xã hội : xã hội chúng ta là một xã hội nhân nhượng tư hữu. Do đó, và cũng như tất cả các xã hội nhân nhượng tư hữu trên thế giới và trong lịch sử, căn bệnh truyền kiếp của chúng ta là tình trạng chênh lệch trong sự chiếm hữu đối với các phương tiện sản xuất của cộng đồng. Giả sử tại một thời điểm nào đó mà các phương tiện sản xuất được phân chia đồng đều cho mọi người trong cộng đồng; thì sau một thời gian vì quyền tư hữu được tôn trọng, các cuộc mua bán qua lại cũng sẽ ít nhiều tập trung các phương tiện sản xuất trong tay một thiểu số.

Tình trạng bất công càng lớn thì cơn xáo trộn trong xã hội càng trầm trọng và lâu ngày đưa đến những trận bão tố với hậu quả đa số nổi dậy chống lại thiểu số và trật tự đã định. Nguồn gốc chính của tất cả các cuộc xáo trộn trong cộng đồng quốc gia chúng ta từ hai chục năm nay là như vậy.

Lại là quốc gia hướng nông, đất ruộng là nguồn tài nguyên chính về công ăn việc làm và lợi tức của nông dân, cho nên nguồn bất mãn đối với sự chênh lệch quá đáng về quyền sở hữu đất ruộng đã manh nha một cách rất tự nhiên.

Như vậy động cơ sâu xa đã thúc đẩy mạnh mẽ nhất Hành pháp sớm ban hành Luật "NCCR" chính là lý do xã hội.

B/ Lý do chính trị : thật sự khi ban hành Luật "NCCR" nhà cầm quyền đệ II Cộng-Hòa đã xem luật này như một phương tiện để hỗ trợ cuộc chiến đấu chống Cộng, rõ hơn đây là 1 phương tiện chiến tranh, Tổng-Thống Nguyễn-văn-Thiệu trong cuộc tiếp xúc tại Hội-Trường Nha Ngư-nghiệp với các giới chức Bộ CCDD và

PTNNM và trong đại hội CCBD đã nói : "Cải tạo xã hội không phải chỉ là mục đích cao quý nhất trên lý thuyết, trên thực-tế vấn đề có ảnh hưởng và chi phối các vấn đề chiến tranh và chính trị "vấn đề thực thi Luật "NCCR" là vũ khí trước tiên thúc đẩy dân chúng cánh cộng-sản như C.S đã dùng để dân chúng đánh Pháp trước đây".

Như vậy, trong tiên khởi thâm ý của Luật "NCCR" thật là rõ ràng, mặt khác trong tương lai với giả thuyết mặt trận quân sự chấm dứt với kết quả "bất thắng, bất bại" đối với cả hai phe lâm chiến thì viễn ảnh một cuộc đấu tranh chính trị sẽ quyết định số phận miền Nam Việt-Nam này. Nhu cầu cấp bách này đòi hỏi nhà cầm quyền đệ II Cộng-Hòa phải kết hợp dân chúng ngay từ bây giờ. Thành phần quan trọng nhất mà lại bất hạnh nhất là nông dân. Chính quyền chỉ có thể tự hào đại diện được dân chúng nếu được sự ủng hộ của nông dân. C.S đã nhận thức đúng đắn vấn đề này vì với lý thuyết của chiến-tranh nhân dân, nông thôn là bàn đạp của cách mạng, môi trường để dưỡng quân và xuất phát để tấn công. Thành thử chỉ khi nào nạn cường hào ác bá không còn hoành hành tại nông thôn, khi đó việc tranh dân và dành dân với địch mới không là mối lo đề nặng trên tâm trí nhà cầm quyền nền đệ II Cộng-Hòa.

Từ đây, cuộc sống mới tốt đẹp hơn, món ăn thời thượng "dân chủ" mới có cơ phát triển ở hạ tầng cơ sở. Ý thức chính trị sẽ nảy nở ở nông thôn giúp người dân nhận định rõ chủ nghĩa C.S, một chủ nghĩa phi dân tộc, hy sinh hiện tại cho thiên đàng Cộng-sản trong tương lai, nhưng thiên đàng này chỉ là ảo ảnh chẳng bao giờ nông dân hội ngộ được.

C/ Lý do kinh tế : Nội chính sách phát triển kinh-tế quốc gia không thể bỏ quên điền địa. Kế hoạch ngũ niên thứ I của Ấn-độ cho rằng : "tương lai của vấn đề tư hữu đất và canh tác có lẽ là vấn đề căn bản của phát triển quốc gia. Tổ chức kinh tế và xã hội thay đổi ra sao tùy thuộc ở thể thức giải-

quyết vấn đề điền địa". Meier và Baldwin trong phát triển kinh tế đã viết : "Đối với tất cả các nước nghèo ta đã không thấy sự suy giảm tương đối về tính cách quan trọng trên phương-tiên kinh tế của điền địa như đã xảy ra ở các nước giàu".

Thực tại đau lòng không chối cãi được là nông thôn V.N đã và đang là chiến trường triền miên. Nông dân rời bỏ làng mạc để tìm bằng an, một nông thôn không một bàn tay săn sóc một nông thôn càng ngày càng bị tàn phá. Nông thôn V.N phải được hồi sinh, tái tạo để tiến bộ trong tương lai, và phải vậy nông dân mới, trở về cố hương gia tăng sản xuất hồng mức cung thặng bằng hay gia trội mức cầu lúa gạo để lấy lại danh tiếng của một quốc gia Việt-Nam xuất cảng gạo ngày xưa.

## TIẾT II : DIỄN TRÌNH HÌNH THÀNH LUẬT "NCCR".

Từ những nhu cầu xã hội, chính trị, kinh tế, Hành pháp đã ban hành luật số 3/70 ấn định chính sách "NCCR", tuy nhiên trước đó từ Hành-pháp lẫn Lập-pháp đã sáng tạo một vài dự án và dự thảo luật về CCDD, chúng ta cần nghiên cứu sơ lược những dự luật này để hiểu rõ quá trình hình thành luật "NCCR".

A/ Dự thảo luật 98/69/HP của Hành-pháp.

a)- Nội dung : gồm 3 thiên và 22 điều :

1. Mục tiêu : cấp phát vô thường cho nông dân đang canh tác một diện tích tối đa là 3 mẫu hay 5 mẫu tùy hoàn cảnh gia đình; bãi bỏ chế độ tá canh, làm rẫy; cấm cho thuê ruộng cấy.

2. Nguyên tắc thi hành : Điền chủ trực canh được giữ lại 30 mẫu, ruộng cấy của tôn giáo cũng bị chi phối và những người thụ hưởng chỉ là nông dân hiện canh, điền chủ được bồi thường 20o/o bằng tiền mặt, 80o/o bằng trái phiếu lúa trong 8 năm với lãi suất 5o/o.

b) Phê bình : Dự Luật tỏ ra cấp tiến : ruộng đất phải vào tay người cày, điền chủ muốn giữ ruộng tối đa 30 mẫu phải tự canh tác và nông dân thụ hưởng khi phải trả tiền thuê ruộng, nhưng cũng có vài khuyết điểm :

- Không dự trừ trường hợp nông dân cày muốn, lãnh canh ruộng đất, đây là những người cày thực sự nhưng chưa có ruộng, số người cày muốn tại Nam-phần chiếm 170/o, Trung-phần 380/o trên tổng số nông dân mỗi nơi.

- Cũng không dự liệu nâng đỡ các gia đình thân nhân trực hệ tử sĩ, thương phế binh, quân nhân, công chức, vì nhiệm vụ, vì chiến cuộc không canh tác được, phải phát canh cho tá điền, khi an ninh văn hồi và hòa bình trở lại họ không còn ruộng đất để canh-tác.

- Truất hữu ruộng đất của tôn giáo, có những dụng cụ đáng tiếc.

#### B/ Dự án luật CCDD tại Hạ-Viện.

a) Nội dung : gồm 8 chương với 31 điều khoản ấn định chính sách CCDD tại V.N.

1. Mục tiêu : bảo đảm cho người thực sự cày có ruộng để cày và hưởng đầy đủ kết quả công lao canh tác, tăng gia năng suất ruộng đất và diện tích canh tác, hạn chế chế độ tá-canh, quân cấp công điền công thổ trừ công sản xã, khẩn hoang và cơ giới hóa nông nghiệp.

2. Các nét chính của dự luật :

\* Suất lưu trí : 15 mẫu tại Nam-phần và Cao-nguyên Trung-Phần, 5 mẫu tại Trung-nguyên Trung-phần.

\* Việc bồi thường : về tiền mặt : 1000/o cho 10 mẫu đầu bị truất hữu 500/o cho 20 mẫu kế tiếp, 250/o cho mẫu thứ 31 trở lên. Về trái phiếu : dư số còn lại trả bằng trái phiếu trong 5 năm với lãi suất 50/o mỗi năm.

\* Những người thụ hưởng : sẽ được cấp phát một diện tích 3 mẫu tại Nam phần và Cao nguyên Trung-phần, 1 mẫu tại Trung-phần những thành phần sau đây : nông dân đang canh tác hợp pháp, thân nhân trực hệ tử sĩ, quân nhân, công chức, cán bộ, công nhân nông nghiệp, những người lánh cư và hồi cư.

\* Khẩn hoang và tổ chức nông trường cơ giới : mọi công dân có thể xin khai khẩn đất hoang với một diện tích không giới hạn. Ngoài ra dự luật còn chủ trương cơ giới hóa nông nghiệp.

b) Phê bình : Dự luật của Hạ-viện tương đối rõ ràng và đầy đủ hơn dự luật 98/69/HP của Hành-Pháp, nhưng một vài khuyết điểm đã được nêu lên.

- Dự luật chỉ hạn chế chế độ tá canh, làm rõ vì vẫn dành cho điền chủ một suất lưu trí là 15 mẫu tây.

- Việc bồi thường bằng tiền mặt cho điền chủ về phần thặng dư quá lớn, ngân sách quốc gia không đài thọ nổi.

- Việc nông dân được khai khẩn đất hoang không giới hạn có thể đưa đến sự lạm dụng.

- Vấn đề tổ chức nông trường cơ giới là một công cuộc qui mô đòi hỏi nhiều thì giờ để nghiên cứu.

C/- Dự án Luật "NCCR" tại Thượng-viện : dự luật án định "chính sách CCĐE tại V.N." được Hạ-viện chung quyết và chuyển đến Thượng-Viện ngày 10.9.1969. Tại Thượng Viện, Ủy-Ban Canh-nông sau nhiều phiên họp đã đưa ra một dự luật hoàn toàn khác hẳn dự luật của Hạ-Viện và trở lại dự luật của Hành-Pháp mang tên "Án định chính sách NCCR".



a) Nội dung : dự luật NCCR của UBCN Thượng-Viện gồm 6 chương với 24 điều khoản.

1- Mục tiêu : Hữu sản hóa nông dân bằng cách bảo đảm cho những người thực sự cày ruộng được làm chủ ruộng; tăng gia năng suất ruộng đất và diện tích canh tác để phát triển nông nghiệp; thực hiện công bằng xã hội, tạo cơ hội đồng tiền cho mọi nông dân, bãi bỏ chế độ tá canh, làm rẽ và nạn trung gian bao lá.

2- Các nét chính của dự luật.

- Điền chủ thuộc các thành phần quân nhân, cán bộ, công chức; tỵ nạn C.S trực canh được quyền giữ lại 5 mẫu tại Nam-phần và 3 mẫu tại Trung-phần.

- Phân cấp công điền công thổ.

- Ruộng đất tôn giáo không bị chi phối.

- Điền chủ trực canh được giữ lại một diện tích tối đa là 30 mẫu, số thặng dư bị truất hữu sẽ được bồi thường: 20c/o tiền mặt, 80c/o bằng trái phiếu trong 8 năm với lãi đồng niên 5c/o. Tiểu điền chủ từ 5 mẫu trở xuống bị truất hữu được trả trọn bằng tiền mặt.

- Ruộng đất sẽ được cấp phát vô thưởng cho mỗi nông dân một diện tích : 5 mẫu tại Nam và 3 mẫu tại Trung-phần.

b) Quan điểm của UBCN Thượng-viện : Ủy-Ban nhận định rằng người cày phải có ruộng nên việc truất hữu phải triệt để nghĩa là không có suất lưu trí. Ngoài ra vấn đề bồi thường phải tùy theo khả năng ngân sách quốc gia, không thể thỏa mãn yêu sách của một số điền chủ.

Sau một thời gian thảo luận, Thượng-Viện đã chung quyết dự luật ấn định chính sách NCCR và gửi sang Hạ-Viện. Hạ-Viện cố giữ quan điểm, nhưng sau khi biểu quyết, Hạ-Viện không hội đủ túc số hiến định để bác bỏ, do đó dự luật "ấn định chính sách NCCR" thành luật và được Quốc-Hội chuyển sang Tổng-Thống ban hành.

Tiết III : NỘI DUNG LUẬT SỐ 3/70 ÁN ĐỊNH CHÍNH SÁCH "NCCR".

Ngày 26-3-1970 tại Cần-Thơ, Tổng-Thống VNCH đã chính thức ban hành Luật 3/70 ấn định chính sách NCCR gồm 6 chương với 22 điều khoản :

CHƯƠNG I.- Mục đích và biện pháp gồm 2 điều :

Điều 1 : Mục đích :

- Hữu sản hóa nông dân.
- Tạo cơ hội thăng tiến.

Điều 2 : Biện pháp :

- Truất hữu có bồi thường thoả đáng những ruộng đất không do điền chủ trực canh để cấp phát vô thường cho nông dân.
- Bãi bỏ chế độ tá canh và nạn trung gian bao tá.
- Phân cấp công điền.

CHƯƠNG II.- Phạm vi áp dụng gồm 4 điều khoản.

- a) Ruộng đất bị Luật chi phối.

- Các ruộng đất ghi trong sổ bộ điền thổ cùng một tên sở hữu chủ, được coi là một đơn vị tư hữu duy nhất. Ruộng đất do hai người phối ngẫu đứng tên riêng (trừ trường hợp chế độ biệt sản) cũng được coi là đơn vị tư hữu duy nhất.

b) Ruộng đất không bị Luật chi phối.

- Ruộng đất do điền chủ hoặc người phối ngẫu hoặc cha mẹ hoặc con cái hoặc người thừa kế luật định hiện đang trực canh không quá 15 mẫu tây. Điền chủ trực canh có quyền thuê mướn nhân công để canh tác.

- Ruộng đất hương hỏa, hậu điền, kỵ điền, nghĩa trang không quá 5 mẫu tây của mỗi gia tộc.

- Ruộng đất hiện hữu của các tôn giáo.

- Đất trồng cây kỹ nghệ, cây ăn trái (không phải cây đoản sinh sống dưới một năm). Ruộng đất trên đó đã xây cất các cơ sở công kỹ nghệ.

- Ruộng muối, ao hồ và đồng cỏ thuộc các cơ sở chăn nuôi.

- Ruộng đất nằm trong bản đồ chính trang thành thị, thổ cư và viên lang.

- Ruộng đất thuộc các trung tâm thực nghiệm và thí điểm nông nghiệp.

- Ruộng đất dành riêng cho các buôn, ấp đồng bào Thượng.

- Ruộng đất có dụng đích lợi ích công cộng.

- Diện tích chưa bao giờ trồng lúa được khẩn hoang sau ngày ban hành luật này.

Mọi sự thay đổi dụng đích ruộng đất với mục đích tránh sự áp dụng Luật này đều bị coi là vô hiệu.

### CHƯƠNG III.- Việc bồi thường cho điền chủ.

a) Tiêu chuẩn bồi thường : Điền chủ có ruộng đất bị truất hữu sẽ được bồi thường nhanh chóng và thỏa đáng. Giá biểu bồi thường sẽ bằng hai lần rưỡi số hoa lợi thường niên về lúa của thửa ruộng, hoa lợi thường niên này được ấn định là hoa lợi trung bình trong 5 năm vừa qua.

b) Thể thức bồi thường : điền chủ được bồi thường theo thể thức sau đây :

- 20o/o trị giá ruộng đất bị truất hữu được trả ngay bằng tiền mặt.

- Số tiền còn lại được trả trong 8 năm bằng trái phiếu có quốc gia bảo đảm và được hưởng lãi hằng năm là 10o/o, các trái phiếu này có thể đem cầm, chuyển nhượng, giải tỏa các món nợ để đương, trang trái thuế điền thổ hoặc để mua cổ phần các xí nghiệp tư hoặc quốc doanh.

### CHƯƠNG IV.- Những người thụ hưởng.

a) Những người thụ hưởng : ruộng đất sẽ được cấp 3 mẫu tại N. và 1 mẫu tại Trung-phần theo thứ tự ưu tiên sau đây :

- Nông dân hiệ canh. Nông dân hiệ canh là người canh tác ruộng của người khác.

- Cha mẹ, vợ con tử sĩ.

- Quân nhân, công chức, cán bộ khi giải ngũ, hồi hưu.

- Quân nhân, công chức, cán bộ đã phải bỏ canh tác vì chiến tranh nếu có đơn xin cho gia đình trực canh.

- Công nhân nông nghiệp.

b) Quyền lợi và nghĩa vụ của người được cấp phát:

- Nông dân được cấp phát ruộng đất được miễn mọi sắc thuế liên quan đến ruộng đất cấp phát trong năm đầu tiên.

- Những người được cấp phát ruộng đất phải trực tiếp canh tác ruộng đất ấy.

- Nông dân nào đã được cấp phát ruộng trấu hữu theo Dự 57 và ruộng chính phủ mua của Pháp-kiều sẽ được miễn trả các phân kỳ còn thiếu.

CHƯƠNG V.- Biện pháp chế tài.

a) Chế tài :

- Người nào có hành động ngăn cản việc thi hành Luật này sẽ bị phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm và phạt tiền từ 20.000\$ đến 200.000\$ hoặc một trong hai hình phạt ấy :

- Điền chủ được giữ lại 15 mẫu tây nhưng nếu không trực tiếp canh tác sẽ bị truất hữu không bồi thường toàn diện tích.

- Nông dân không trực tiếp canh tác sẽ bị truất hữu không bồi thường để cấp phát cho các nông dân khác.

b) Tổ chức Tòa-án Điền-địa : Mọi việc tranh tụng xảy ra trong khi thi hành Luật này thuộc thẩm quyền Tòa-án Điền-địa gồm thành phần Thẩm-phán chuyên nghiệp xét xử.

Mọi vi phạm các điều khoản về hình Luật sẽ thuộc thẩm quyền Tòa-án hình sự thường tụng.

Tiết IV.- CÁC VĂN KIỆN LẬP QUI.

Tiếp nối Luật 3/70, để việc thi hành được dễ dàng, Hành-pháp đã công bố một số văn kiện lập qui :

A/- Sắc lệnh số 072-SL/CCĐĐ - PTNNN ngày 5-6-1970: Sắc lệnh này do Thủ-Tướng Chính-phủ ban hành ngày 5-6-1970 gồm 6 chương với 48 điều khoản ấn định những thể thức thi hành Luật 3/70, ta có thể tóm tắt những nét chính yếu sau đây :

a) Tổng quát : những ruộng đất có canh tác bị chi phối sẽ được truất hữu kể từ ngày 26-3-1970. Đối với ruộng hoang sẽ được thực hiện khi có đơn xin của nông dân.

b) Phạm vi áp dụng : Luật 3/70 áp dụng đối với ruộng đất trồng lúa và hoa màu phụ. Hoa màu phụ là các loại hoa màu thực phẩm khác lúa đoạn sinh dưới một năm, ngoại trừ rau. Công sản tư dụng quốc gia, công sản tư dụng tỉnh được cấp phát theo sắc lệnh này, những công sản tư dụng xã sẽ do một sắc lệnh riêng qui định.

Mọi chứng thư chuyển hữu không đăng ký trước ngày 26-3-70 đều vô hiệu lực đối với việc thi hành ngoại trừ việc chứng minh quyền lợi để được bồi thường.

Điền chủ vì lý do thi hành nghĩa vụ quân sự hay tỵ nạn C.S không trực canh và hiện nay đất còn bỏ hoang thì kể như được trực canh và được quyền giữ lại 15 mẫu.

Đối với mồ mã chôn lẻ tẻ, sở hữu chủ bị truất hữu được giữ lại 100 m vuông cho mỗi ngôi mộ và hưởng quyền địa dịch thông hành vào ngôi mộ.

Phần thặng dư của ruộng đất dùng vào việc phụng tự trở thành ruộng thường và bị truất hữu.

c) Việc bồi thường : Một Ủy-Ban đặc biệt mệnh danh là Ủy-Ban bồi thường được thành lập, thành phần gồm có :

- Tổng-Trưởng CCDD và PTNNN	Chủ-Tịch
- Tổng-Trưởng Tài Chánh	Ủy-Viên
- Tổng-Trưởng Kinh-Tế	-nt-
- Tổng-Trưởng Nội-Vụ	-nt-
- Tổng-Trưởng Tư-Pháp	-nt-
- Tổng Giám-Đốc Ngân-Sách và Ngoại-viện	-nt-
- Tổng Giám-Đốc Điền-Địa	Thuyết-Trình-Viên
- Một nhân viên CCDD và PTNNN	Thư-Ký

Ủy-Ban có nhiệm-vụ : ấn định giá biểu, cơ quan thanh toán tiền bồi thường.

d) Việc cấp phát : Người xin cấp phát ruộng đất nộp đơn tại UBHC Xã nơi tọa lạc ruộng đất.

Diện tích hiện canh dưới mức tối đa được cấp phát trọn cho người được canh tác. Diện tích hiện canh quá mức tối đa, phần thặng dư người hiện canh tạm giữ để canh tác cho đến khi chính phủ cần đến.

Mỗi Xã thành lập một Ủy-Ban cấp phát ruộng đất với thành phần như sau :

- |                                    |                                    |
|------------------------------------|------------------------------------|
| - Xã Trưởng                        | Chủ-Tịch                           |
| - Một đại diện Hội-Đồng-Xã         | Ủy-Viên                            |
| - Một Ủy-viên CCĐĐ và Canh-Nông-Xã | -nt-                               |
| - Trưởng-Áp liên hệ                | -nt-                               |
| - Phái viên điền địa xã            | Thuyết-Trình-Viên                  |
| - Một nhân viên UBHC Xã            | Thư-Ký (không có quyền biểu quyết) |

e) Các điều khoản chung : để giải quyết mọi khó khăn trở ngại trong khi thi hành Luật số 3/70, thành lập Hội-Đồng trung-ương CCĐĐ, thành phần gồm có :

- |                                    |                        |
|------------------------------------|------------------------|
| - Thủ-tướng Chính-Phủ              | Chủ-Tịch               |
| - Tổng-Trưởng CCĐĐ và PTNNN        | Phó Chủ-Tịch           |
| - Tổng-Trưởng Nội-Vụ               | Hội-Viên               |
| - Tổng-Trưởng Tư-Pháp              | -nt-                   |
| - Tổng-Trưởng Phát-Triển Nông-Thôn | -nt-                   |
| - Tổng-Trưởng Quốc-Phòng           | -nt-                   |
| - Tổng-Trưởng Kinh-Tế              | -nt-                   |
| - Tổng-Trưởng Tài-Chánh            | -nt-                   |
| - Tổng-Trưởng Lao-Động             | -nt-                   |
| - Tổng-Trưởng Cựu-Chiến-Binh       | -nt-                   |
| - Tổng Giám-Đốc Điền-Địa           | Hội-Viên Thuyết trình. |

B/- Kế hoạch thi hành chương trình NCCR ngày 26-6-1970 : kế hoạch này bao gồm những điểm chính yếu sau đây :



- Hoạch định sơ đồ tổ chức cơ quan phụ trách việc thi hành chương trình NCCR tại trung-ương và địa-phương.

- Dự trù nhu cầu về dụng cụ, vật liệu, công ốc,...

- Định khóa và chương trình huấn luyện nhân viên phụ trách thi hành chính sách NCCR ở địa phương.

Ngoài ra kế hoạch thi hành đã dự trù kinh phí cho chương trình NCCR như sau :

- Số tiền dự trù bồi thường cho điền chủ là 161.221 tỷ bạc gồm có :

\* 200/o bằng tiền mặt với kinh phí dự trù cho năm 1970 đã được Quốc-Hội chấp thuận là 2,5 tỷ, viện trợ Mỹ trong năm 1969 là 10 triệu Mỹ-kim và trong 1970 sẽ được 30 triệu Mỹ-Kim cho chương trình NCCR.

\* 800/o bằng trái phiếu, tiền lời cho trái phiếu mỗi năm được tính bằng cách lấy trung bình tiền lời phải trả mỗi năm tính trên giá trị trái phiếu còn lại.

- Năng suất trung bình ruộng chuẩn phát là 98,50 gia trên mỗi mẫu ruộng.

- Hệ số trị giá là 2,5 của năng suất.

- Giá trung bình của mỗi gia lúa là 480\$.

- Do đó giá trung bình của mỗi mẫu ruộng sẽ được bồi thường là :

$$480\$ \times 98,50 \times 2,5 = 118.200\$.$$

Con số mới nhất về kinh phí cần thiết cho việc bồi thường cho điền chủ gồm có khoản tiền trả mặt trong năm đầu và tiền trả cho trái phiếu trong 8 năm kế là 174

tỷ 936 triệu đồng thêm chi phí điều hành tương ứng là 1 tỷ 400 triệu, tổng cộng chi phí cần thiết là 176 tỷ 336 triệu.

Chương trình NCCR dự trù thời gian cấp ruộng là 3 năm với diện tích cấp phát tổng cộng là 1.000.000 ha chia ra như sau :

- Năm thứ I : diện tích cấp phát dự trù là 200.000 mẫu.

- Năm thứ II : 400.000 mẫu.

- Năm thứ III : 400.000 mẫu.

C/- Thông tư số 7843-CCĐĐ/HCTC3 ngày 27-7-1970 : Bộ CCĐĐ và PTNNN phổ biến thông tư này nhằm giải thích một cách chi tiết một số điều khoản quan trọng của Sắc lệnh 072 :

- Kể từ ngày 26-3-1970 điền chủ không còn quyền thu địa tô, đòi lại ruộng đất.

- Việc bồi thường cho điền chủ được thực hiện sau khi quyền sở hữu và tình trạng canh tác ruộng đất của ruộng đất được xác nhận.

- Đối với ruộng đất không bị Luật 3/70 chi phối mà điền chủ đã cho tá canh thuê muốn thì mối tương quan chủ tá sẽ được tạm thời duy trì theo qui chế tá điền bởi Dự số 20 năm 1953 và Dự số 2 năm 1955.

- Các chứng thư sau đây được coi là có ngày, tháng xác thực trước ngày 26-3-1970.

\* Công chứng thư do Chương-Khế lập ghi ngày thành lập trước ngày 26-3-1970.

\* Chứng thư do UBHC Xã thị thực trước ngày 26-3-70 chưa trước bạ hoặc trước bạ sau ngày 26-3-70 nhưng có xuất trình biên lai đã đóng lệ phí thị nhận cho Xã trước ngày 26-3-1970.

- Trường hợp điền chủ và nông dân đã đồng lao cộng tác trong việc canh tác đến, mùa gặt chia theo tỷ lệ. Tuy nhiên phần dành cho điền chủ không quá 15 mẫu tây và nông dân không quá 3 mẫu.

- Dù việc bồi thường cho điền chủ bị truất hữu được thực hiện vào ngày <sup>nao</sup> /, trị giá ruộng đất được định vào ngày 26-3-1970 và tiền bồi thường được tính vào ngày đó.

- Trong thời hạn 15 năm kể từ ngày đứng tên làm sở hữu chủ người được cấp phát ruộng đất chỉ được lập hương hỏa, chuyển quyền sở hữu cho thừa kế trực hệ và thiết lập đối vật quyền cho cơ quan tín dụng của chính phủ mà thôi.

#### TIẾT V. THÀNH QUẢ của CHÍNH SÁCH

NCCR từ 26.3.1970 đến 26.3.72.

Theo dự trù của nhà cầm quyền đệ II Cộng-Hòa, Luật "NCCR" sẽ được thi hành trong ba niên độ từ 26.3.1970 đến 26.3.1973 hai năm đã qua giờ đây chúng ta có thể kiểm điểm những thành quả mà Luật "NCCR" thu đạt được.

Để khuyến khích các điền chủ khai báo số ruộng đất thuộc quyền sở hữu, Bộ CCDD và PTNNM đã phối hợp với Bộ Thông-Tin; các đoàn tâm lý chiến phổ biến những tài liệu, những buổi phát thanh nêu rõ mục đích của Luật, kêu gọi sự hợp tác của mọi giới, nhờ vậy Bộ đã gặt hái những kết quả sau đây :

Điền chủ kê khai mẫu A 289.888 tờ	Diện tích liên hệ 638.924
Điền chủ kê khai mẫu B 50.251	Diện tích liên hệ 801.214
Đơn nông dân nộp xin trực canh 664.673	Diện tích liên hệ 803.971
Đơn được chấp thuận trực canh 621.573	Diện tích liên hệ 763.396
Chứng khoán cấp cho nông dân 530.610	Diện tích liên hệ 670.743
Vụ bồi thường 60.197	Diện tích liên hệ 503.475
Chi trái phiếu 39.385	Diện tích liên hệ 351.209

kế cả trái phiếu trả cho điền chủ trong 8 năm, tính đến cuối năm 1980, số tiền bồi thường lên đến :  
54.337.704.126\$



# PHẦN THỨ HAI

LỊCH SỬ - BÌNH

LUẬT NGƯỜI CÀY CỎ RUỘNG

# CHƯƠNG I

## VỀ PHƯƠNG DIỆN LÝ-THUYẾT

Luật "NCCR" đã được Tổng-Thống Nguyễn-văn-Thiệu ban hành ngày 26.3.1970 tại Cần-Thơ, vựa lúa của miền Tây Nam-phần. Kể từ đó ngày này được đặt tên là ngày "Nông Dân Việt-Nam".

Những thành quả do luật này đem lại khó chối cãi, tuy nhiên những đợt sóng ngầm hoặc công khai đã bộc phát trên diễn đàn Quốc-Hội, xuyên qua báo chí hay lan truyền trong nhiều thành phần xã hội.

Với nhãn quan của các nhà làm luật, nhiều Nghị-sĩ và Dân-biểu đã đối chiếu Hiến-pháp VNCH ngày 1.4.1967 với Luật số 3/70 ấn định chính sách NCCR để cho rằng Luật này vi hiến.

Công luận đã đi sâu vào chi tiết mới những nhận định về các điểm then chốt của Luật số 3/70 nhằm một mặt gây nhen những âm vang tranh đấu và bảo vệ cho quyền lợi nông dân, giới người đã quá thua thiệt trong cuộc chiến tranh nhân dân này; nhưng mặt khác ngăn chặn những phần tử quá khích, cực đoan muốn tiêu diệt hẳn giới địa chủ, truất hữu toàn bộ ruộng đất để cấp phát cho nông dân.

Trong chương này chúng ta sẽ tìm hiểu Luật "NCCR" với Hiến pháp 1.4.1967, cùng những nhận định của công luận về các điểm then chốt của Luật "NCCR".

TIẾT I : ĐỐI CHIẾU LUẬT "NCCR"  
với HIẾN-PHÁP 1.4.1967.

A/ Thực thi được một số điều khoản của Hiến-pháp liên quan tới những quyền kinh tế và xã hội của nông dân.

- Đạo luật có mục đích chính là thực thi chủ trương "hữu sản hóa nhân dân" do điều 19 đoạn 2 Hiến-pháp qui định.

- Việc truất hữu có bồi thường thỏa đáng và dành suất lưu trí 15 ha cho các chủ điền trực canh đã cùng 1 lúc thể hiện được hai nguyên tắc của điều 19 đoạn 1 và đoạn 3 Hiến pháp tức là một mặt tư sản có thể bị truất hữu vì công ích, mặt khác quyền tư hữu vẫn được quốc gia công nhận và bảo đảm.

- Việc cấp phát vô thường ruộng cho nông dân đã thể hiện được điều 20 đoạn 3 và nhất là điều 21 Hiến-pháp tức là nâng đỡ thành phần yếu kém về kinh tế, đặc biệt nâng cao đời sống của nông dân và giúp đỡ họ có ruộng đất canh tác.

- Khi đặt các ruộng đất của đồng bào Thượng ra ngoài phạm vi áp dụng của luật 3/70, nhà Lập-pháp đã thực thi điều 24 Hiến-pháp, tức là công nhận sự hiện hữu của các sắc tộc thiểu số trong cộng đồng V.N và dành cho một đạo luật qui định những quyền lợi đặc biệt để nâng đỡ đồng bào thiểu số.

Sau hết, Luật 3/70 còn thực thi được cả điều 77 Hiến pháp khi đòi hỏi thành phần chuyên nghiệp cho Tòa-án Điện-Địa. Dự qui định này đặt ra vấn đề cấp tốc cải tổ hệ thống Tòa-án Điện-Địa và Hội-đồng Cải-cách Điện-Địa hiện hữu vì các cơ chế này không còn phù hợp với Hiến pháp và Luật 3/70 nữa.

B/ Cải lương hóa quyền tư hữu : Nhận định rằng những bất quân bình tại nông thôn chỉ có thể được sửa đổi bằng biện pháp hạn chế quyền tư hữu, nhà Lập pháp đã qui định

chủ điền được giữ lại 15 ha với điều kiện duy nhất phải trực canh. Như vậy, với Luật 3/70 quyền tư hữu đã được cải lương so với những văn kiện trong quá khứ.

- Từ Dự số 2, nhà làm Luật V.N đã không còn xem quyền tư hữu là một quyền vĩnh cửu, bất khả xâm phạm mà trái lại quyền này phải đi liền với nghĩa vụ khai thác. Vì vậy, văn kiện này đã ấn định quyền lưu canh, tiên mãi của tá điền. Tuy nhiên, quyền uy của điền chủ vẫn còn quyết định số phận của tá điền và sự bảo đảm của pháp lý chỉ hiện hữu trên giấy tờ mà vắng bóng trên thực tế.

- Dự số 57 đã can thiệp mạnh mẽ trên quyền tư hữu. Nhưng suất lưu trí (100 ha) quá cao khiến đại đa số nông dân vẫn còn trong tình trạng "Người cày không có ruộng".

- Với Luật 3/70, chẳng những suất lưu trí đã bị hạ thấp xuống còn 15 ha, mà nhà làm luật còn bó buộc chủ điền phải trực canh.

Đối chiếu như vậy, chúng ta thấy một sự tiến triển rõ ràng trong quan niệm "quyền tư hữu" của nhà Lập pháp. Và chẳng, một quan niệm cấp tiến như vậy mới mong giải phóng những bất công tại nông thôn và phù hợp với đề tiến bộ phân bản của nhân loại.

## TIẾT II : NHẬN-ĐỊNH NHỮNG ĐIỂM THÊM CHÓT của LUẬT "NCCR".

A/ Hữu sản hóa nông dân : phải hữu sản hóa nông dân người thực sự cày ruộng phải có ruộng để cày và hưởng đầy đủ lợi tức do công lao tạo ra. Có vậy mới mong giải phóng cuộc sống tối tăm tá điền, mới mong nông thôn cầm giữ bước chân muốn thoát ly của nông dân lên thị thành, mới mong nông thôn không là nơi bùn lầy nước đọng cách biệt nếp sống xa hoa nơi thị thành.



Nông thôn bị tàn phá, nông dân nghèo khổ, dãi nắng dầm sương quanh năm trên mảnh ruộng, đến cuối mùa lại phải đóng địa tô cho điền chủ, tiền thóc giống, phân bón. Những năm mất mùa tình cảnh lại còn thê thảm hơn : bán vợ đợ con.

Trong khi đó, chủ điền an nhàn trong "lầu son gác tía", miệt mài trong những canh bạc thâu đêm hay trong những nhà hàng ở đô thị, đây là hạng người "ngồi mát ăn bát vàng".

Thực trạng phi lý này không thể tồn tại, vì đây là môi trường thuận lợi làm vi trùng C.S nảy sinh và bành trướng là lý do làm kinh tế quốc gia trì trệ, là nguyên nhân làm xã hội thoái bộ.

Phải hữu sản hóa cho nông dân, một cuộc sống tươi đẹp hơn về hai phương diện vật chất lẫn tinh thần mới mong đền đáp xứng đáng cho một thành phần đã chịu thiệt thòi trong hơn 1/4 thế kỷ.

B/ Cấp phát vô thường : tại diễn đàn Quốc-Hội, hai phái "Hữu thường", "Vô thường" đã tranh luận kịch liệt :

a)- Cấp phát hữu thường : những Nghị-sĩ, Dân-biểu theo chủ trương này đã đưa ra những lý do sau :

- Tài chính quốc gia eo hẹp, thêm vào nạn lạm phát.
- Nông dân được phát không, sẽ không tha thiết bảo vệ.
- Đối phương xuyên tạc là chính phủ mỹ dân : cho khế để thì cũng có thể tước đoạt lại dễ.

b)- Cấp phát vô thường : nhóm này đã lập luận :

- Nông dân quá nghèo, nhu cầu thực dụng chưa được thỏa mãn, như vậy tiền đâu họ trả nếu cấp phát hữu thường.
- Tránh cho chính phủ là chủ nhân ông khổng lồ, chưa kể rằng chương trình CCDD còn được viện trợ Mỹ đài thọ.

Cuối cùng nhóm chủ trương "cấp phát vô thường" đã thắng thế, điều này khá lưu ý vì kinh nghiệm dưới thời đệ I Công-Hòa cho ta thấy : những năm thi hành chương trình CCBB nghiêm chỉnh và mạnh mẽ nhất, số tiền hành thu so với tiền đảo hạn chỉ vào khoảng từ 100/o đến 150/o, thành thử trông cậy vào sự hoàn trả tiền mua ruộng của nông dân để mong giải quyết vấn đề ngân sách là một quan niệm thiếu thực tế.

Nhưng dấu sao cũng cần ngăn chặn những ý thức tai hại : và cấp phát vô thường nông dân sẽ có tâm lý ỷ lại, khoán trắng cho chính quyền hơn là tự lực cánh sinh, nông dân không cố gắng tạo nhiều mảnh đất vì sợ bị truất hữu, đó chính là mối nguy hiểm cho sự phát triển quốc gia.

C/ Phân cấp công điền : việc phân cấp này đã giúp chính quyền giải quyết hai vấn đề :

a)- Với diện tích vào khoảng 305.272 mẫu đem phân cấp chính phủ sẽ hữu sản hóa cho khoảng 61.054 đến 101.757 nông dân.

b) Đập tan được âm mưu xuyên tạc của C.S cho rằng chính quyền chỉ chú trọng đến việc truất hữu ruộng đất của điền chủ còn thì chính phủ vẫn muốn duy trì tình trạng làm chủ nhân ông 305.272 mẫu công điền công thổ cho chính mình.

Tuy nhiên việc phân cấp công điền, công thổ đã tạo nên một bài toán nan giải cho nhà cầm quyền vì công điền, công thổ là tài nguyên giúp xã có phương tiện hoạt động. Vấn đề được đặt ra là làm thế nào công điền, công thổ được phân cấp nhưng không làm ngưng trệ hoạt động của xã thôn theo nguyên tắc địa phương phân quyền và Hiến-pháp đã minh thị công nhận. Giải pháp cho vấn đề là công điền, công thổ vẫn phải bị truất hữu và cơ quan thụ hưởng tiền bồi thường là xã nhưng xã phải sử dụng số tiền bồi thường vào các hoạt động sinh lợi nhằm tài trợ mọi công ích trong xã : ngân hàng nông thôn, lập trại chăn nuôi.

D/ Bãi bỏ chế độ tá canh và nạn trung gian bao tá : trước hết ta cần tìm hiểu thế nào là tá canh và trung gian

bao tá ?

a)- Chế độ tá canh là chế độ theo đó nông dân thuê ruộng đất của chủ điền để canh tác đến cuối năm sẽ đóng địa tô.

b)- Trung gian bao tá : được gọi là "nạn" vì tại miền Nam, nhiều điền chủ có hàng trăm mẫu ruộng nhưng chỉ biết ruộng trên giấy tờ, trong sổ bộ mà không biết đích xác ngoài đất. Các chủ điền này sinh sống tại thành thị, không tiếp xúc được với nông dân. Một số người sống tại địa phương am hiểu ruộng đất mới đứng trung gian nhận khoán trực tiếp với điền chủ với giá thuê rẻ rồi đem cho nông dân thuê lại với giá cao hơn.

Chế độ tá canh và nạn trung gian bao tá vừa nêu trên đã hình thành từ ngàn xưa và tiếp tục sinh tồn cho đến bao giờ. Ta có thể giải thích bằng chế độ phong kiến, định chế di sản chủ trương tập sản dưới thời Pháp thuộc, từ đó hậu quả hiển nhiên là đất thường bị phân tán và chia vụn.

Việc bãi bỏ chế độ tá canh và nạn trung gian bao tá chẳng những phù hợp với quan niệm nhân bản hiện tại mà còn giúp đạt được ưu điểm về nhiều lãnh vực như :

- Kinh tế : Gia tăng năng suất nông nghiệp vì từ đây nông dân sẽ đem hết năng lực cày cấy.

- Xã-hội : Năng suất gia tăng sẽ giúp lợi tức nông dân tăng theo từ đó đời sống sẽ được cải thiện.

- Chính trị : Giúp nông dân nhận rõ chủ trương vô sản của Cộng-sản, họ sẽ chiến đấu chống lại Cộng-sản để giữ đất vừa được thụ hưởng.

Từ đây chế độ tá canh, nạn trung gian bao tá không còn hiện hữu trong xã hội Việt-Nam nữa, mọi tá điền đều là sở hữu chủ. Nhưng một câu hỏi được đặt ra : liệu đất đai có

gia tăng diện tích kịp nhu cầu về đất đai của dân số vốn gia tăng mạnh mẽ tại các quốc gia chậm tiến hay không ? Vì vậy công luận đã đề nghị thay vì bãi bỏ chỉ cần cải thiện chế độ tá điền và giới hạn chế độ đó trong phạm vi và thời gian. Vấn đề cải thiện chế độ thế nào cho tá điền cảm thấy không bị chính quyền quốc gia bỏ rơi, có quyền bình đẳng như địa chủ và vẫn tích cực tăng gia năng suất. Vấn đề này liên quan đến thời hạn thuê mướn, tô suất, quyền tiên mãi, quyền lưu canh.

E/ Những người thụ hưởng : điều 13 luật 3/70 ấn-định ruộng đất tái phân sẽ được cấp phát theo thứ tự ưu tiên sau đây :

- Nông dân hiện canh. Nông dân hiện canh là người đang canh tác ruộng của người khác.

- Cha mẹ, vợ con tử sĩ nếu có đơn xin để trực canh.

- Quân nhân, công chức, cán bộ đã phải bỏ canh tác vì chiến tranh nếu có đơn xin để cho gia đình trực canh.

- Công nhân nông nghiệp, nếu có đơn xin để trực canh.

a)- Ở đây chúng ta sẽ tìm hiểu tại sao nhà Lập-pháp lại dành ưu tiên số một cho nông dân hiện canh trong việc cấp phát ruộng đất bị truất hữu.

Dưới thời phong kiến, thực dân giai tầng bị bạc đãi nhất là giới nông dân : trả địa tô cao, vay tiền hoặc lúa với lãi suất cắt cổ.

Tiếp đến, cuộc chiến tranh do Bắc-Việt chủ xướng đã làm ung thối nông thôn, xóm làng mất an ninh, dân chúng phải tạm cư tại những vùng do chính quyền quốc gia kiểm soát, tuy nhiên đã có một số nông dân ở lại.

Một số người cho rằng nông dân còn ở lại đều là V.C hay thân Cộng. Điều này có thể đúng nhưng cần quan niệm một cách rộng rãi hơn :

- Những người rời bỏ xóm làng vì thiếu an ninh hoặc có tiền dư hoặc có thân nhân ở quên lỵ. Với sự cai trị của thực dân, với cuộc chiến tranh tàn khốc hiện nay, nông dân đã nghèo đói lại càng cơ cực hơn. Dầu cầm thù C.S, dầu trung thành với chủ nghĩa quốc gia, họ cũng phải tiếp tục bám vào ruộng đất để sống vì họ quá nghèo, không đủ phương tiện lánh cư.

- Trong lúc nền kinh tế nông nghiệp lui bại vì chiến-tranh, từ một nước có thừa lúa gạo để xuất cảng, ngày nay mĩa may thay nước ta phải nhập cảng gạo Mỹ mới thỏa mãn được nhu cầu của dân chúng. Vậy mà còn một số người vẫn tiếp tục lo cây cấy chẳng màng sự chết chóc có thể xảy đến bất cứ lúc nào. Đó là một hành động đáng khen hơn đáng chỉ trích.

- Với các cơ quan an ninh, với chiến dịch Phụng-Hoàng, những người ở lại nếu là bè lũ V.C đã bị tiêu diệt hoặc thanh trừng.

Tóm lại, dành ưu tiên số một cho nông dân hiện cảnh là điều hợp lý, là yếu tố tác động tinh thần nông dân để nông dân thực tâm bảo vệ làng xã.

b) Công luận cũng đã nhận định : nếu chỉ vì lợi ích nhất thời và hoàn toàn có tính cách cá nhân mà quân nhân công chức, cán bộ, gia đình tú sĩ làm đơn xin cấp phát ruộng đất, liệu chính quyền tìm đâu ra ruộng đất để cấp cho các thành phần này ? Hơn nữa, nếu chỉ vì lý do tương thưởng mà giao ruộng đất cho những người không quen sống bằng nghề nông, thì quả đó là một nghịch lý khó giải thích nổi. Chúng ta cần rút những ưu điểm CCDD tại những quốc gia láng giềng

(Nhật, Đài-Loan ... ) chính quyền chỉ giao ruộng cho nông dân chuyên nghiệp và cấm hẳn các người làm nghề khác như thương gia, kỹ nghệ gia .... làm sở hữu chủ ruộng đất ....

..... Tóm lại, chính sách đại đoàn kết cần thiết trong giai đoạn hiện tại, việc tranh thủ nhân dân cấp bách nhưng cũng phải ở trong một giới hạn phù hợp với hoàn cảnh nước nhà.



# CHƯƠNG II

## VỀ PHƯƠNG DIỆN THỰC-TẾ

Luật "NCCR" được ban hành và đã được thi hành, từ đạo đó đến nay, cả hai phía công luận : khen hay chê đều có những lập luận để biện minh cho lập trường của mình cũng như những lý do để chỉ trích phe đối nghịch, nhưng trong 1 chiều hướng vô tư và khách quan, chúng ta phải nhận định rằng các giới chức có thẩm quyền đã vội vã ban hành nên dù vô tình hay cố ý không kịp cân nhắc những thực tại bất trắc đã đến với Luật "NCCR".

Tuy nhiên, khi đối chiếu với công cuộc CCDD do Mặt Trận giải Phóng miền Nam khởi xướng, nông dân mới nhận rõ đâu là chủ trương hữu sản hóa, đâu là chủ trương bàn cùng hóa, để từ đó định lại lập trường.

Nhưng, những biện pháp kinh tế và những biện pháp khác cần được tiếp nối để giúp Luật "NCCR" toàn thiện, toàn hảo.

Như vậy, trong chương này chúng ta sẽ tìm hiểu những trở lực trong việc thi hành luật "NCCR", so sánh luật 3/70 với công cuộc CCDD của V.C, và sau hết những biện pháp bổ khuyết luật "NCCR".

### TIẾT I : NHỮNG TRỞ LỰC TRONG VIỆC THI HÀNH LUẬT "NCCR".

A/ Bất an ninh : chiến tranh đã gây nên thực trạng nông thôn thiếu an ninh, dân chúng không dám cư ngụ nên ruộng vườn bỏ hoang. Tình trạng thiếu an ninh đã ảnh hưởng mạnh mẽ đến lập trường của nông dân; quả vậy qua cuộc phỏng

vấn của hai tờ báo Washington Post và Newyork Times với một nông dân miền lưu vực sông Cửu-Long chúng ta nhận thấy rõ khuynh hướng đứng giữa của giới nông dân : "chúng tôi tri ân chính phủ đã mở những cuộc hành quân tác chiến khiến chúng tôi có thêm đất đai để canh tác, nhưng nếu Việt-Cộng trở lại chúng tôi khó mà từ chối không cung cấp gạo cho V.C".

Cũng chính vì tình trạng thiếu an ninh nên nhân viên đạt điền không thể đến tại chỗ đo đạc và phân ranh chính xác do đó việc định năng suất nhiều khi không được hợp lý.

B/ Thủ tục rườm rà : Nông dân Việt-Nam nghèo, nông-trí V.N thấp kém nên các thủ tục Hành-chánh rườm rà chỉ làm mất nhiều thì giờ và gây rắc rối cho nông dân là những người có cuộc sống chót phác và chỉ quen thuộc với những thủ tục giản dị.

Do đó 1 tiến trình chậm chạp trong việc thi hành Luật "NCCR" sẽ khó tạo được một xúc động tâm lý mà còn giảm thiểu tác dụng chính trị của đạo Luật, chưa kể những tai hại về phương diện kinh tế : "nền kinh tế nông nghiệp càng bị suy sụp và gây ra phong trào rút lại vốn đầu tư trước nhiều sự bất trắc phát sinh. Các nhà chuyên môn đã ước lượng rằng nếu Luật này được thi hành cẩn thận để tránh mọi sự lăm lăm như đã gặp phải trong việc áp dụng Dự 57 ít ra nhà cầm quyền phải mất ba năm trời mới thực hiện việc truất hữu ruộng đất một cách khả quan.

Thật vậy để thi hành điều Luật "Diện tích cấp phát" tối đa là 3 mẫu hay 1 mẫu kể cả số ruộng mà nông dân làm chủ từ trước", Chính quyền cần phải biết số ruộng hiện có của nông dân trước khi cấp phát cho họ. Muốn thế, tất cả chủ điền và tá điền phải kê khai điền sản, số lượng vào khoảng một triệu người.



Mỗi người phải lập ít nhất 3 tờ khai với những chi tiết khá phức tạp. Sau đó người ta còn phải nhận dạng mỗi thửa ruộng theo bản đồ hoặc phải ghi đích xác mỗi thửa ruộng theo số địa bộ. Tại Trung phần, công việc này khá khó khăn vì tại nhiều nơi chưa có hoặc thất lạc bản đồ địa chính và số bộ.

Khi nhận được tờ khai rồi, giới hữu trách còn phải tra cứu, kiểm chứng, sắp xếp các tài liệu rồi mới chuyển hồ sơ về các Xã. Việc sưu tập hàng triệu tấn tài liệu để lập số bộ cho các xã, tỉnh là một khối lượng công tác vĩ đại.... Thật ra công việc trên có thể rút ngắn thời gian nếu Luật 3/70 dự liệu thể thức chấp thuận lời khai của của nông dân về số ruộng đã thuộc quyền sở hữu của họ, đồng thời đặt các biện pháp chế tài hình sự đối với sự khai man.

Về việc truất hữu điền sản và chuyển hữu cho nông dân cũng gặp khó khăn. Nếu theo tiến trình công tác Dự 57 trước đây : truất hữu xong mới cấp phát, chính phủ đã biến mình thành chủ nhân điền thổ trong thời gian chưa kịp cấp phát theo đơn xin của nông dân, tức là chuyển quyền sở hữu ngay lập tức từ điền chủ qua nông dân trong số bộ. Liên ngay sau đó, chính phủ sẽ làm thủ tục truất hữu và bồi thường. Nhờ vậy chính phủ vừa khỏi mang tiếng là địa chủ, vừa tránh được tình trạng bỏ tiền ra bồi thường trước rồi mới cấp phát. Tuy nhiên, tiến trình cũng bị chỉ trích là thiên vị, thù oán và tham nhũng tại nông thôn.

Trong trường hợp người hiện canh cấy trên diện tích luật định, sẽ bị truất quyền canh tác trên phần thặng dư, do đó có thể thù oán chính quyền.

Ngoài ra việc lập danh sách những người có đơn xin cũng có thể gây ra những sự thiên vị, tham nhũng vì rằng những thân thuộc các vị trong UBHC Xã sẽ chạy chọt để được cấp phát ruộng đất, mặt khác phần diện tích thặng dư quá nhỏ, nhà cầm quyền sẽ chăm chú để người hiện canh thụ hưởng quá số luật định một chút như 3 ha 10 hay 3 ha 20 chẳng hạn. Trong trường hợp này người tá điền hiện canh sẽ vui vẻ "đút lót" cho giới hữu quyền để được cấp luôn phần thặng dư nhỏ bé.

Tóm lại, nhận định của Philip M. Raup trong "khảo luận về sự mở mang" cần được lưu ý : "Lịch sử CCDD là một tấn tuồng diễn lại làm nản lòng bao người vì sự chông chát quá nhiều các thủ tục hành chánh, Tất cả mọi việc cần thi hành ngay tức khắc. Sự chậm trễ giấy tờ có thể làm cho chương trình bị thất bại từ trong trứng nước; nhân viên hành chánh sốt sắng và liêm khiết bao giờ cũng thiếu nhiều".

C/- Âm mưu phá hoại của C.S : Cộng-Sản đã thất bại trong chính sách ruộng đất của chúng, tại những nơi mà bọn C.S chưa đặt nền thống trị để trở thành giai cấp tân địa chủ bóc lột nông dân thì chúng lại có khả năng tuyên truyền, xuyên tạc chính sách CCDD của chính phủ VNCH: cho rằng chính phủ này không tồn tại lâu dài để bảo đảm ruộng đất cho nông dân; dọa nạt; gây áp lực với nông dân và vuốt ve giới địa chủ.

Sách lược của C.S thật là hiểm hóc. Quả vậy, sau mùa gặt đầu năm 1971, bọn C.S nằm vùng kêu gọi các cựu chủ điền về thu tiền lúa ruộng (địa tô) và hứa sẽ yểm trợ chủ điền thu được sòng phẳng như trước kia. Đó là cái thế "một tên bắn hai chim".

Một mặt, đối với chủ điền, bọn chúng thúc dục, hâm nóng lòng phản uất nhất thời mà hiện nay cơ hồ đã lắng dịu. Chúng còn có dụng ý báo trước cho các chủ điền cũ biết là chúng vẫn coi giới này là sở hữu chủ ruộng đất và do đó còn phải chịu thuế cho chúng.

Mặt khác, đối với tá điền cũ, bọn chúng ra mặt hăm dọa, bắt buộc phải đóng lúa tô cho chủ điền. Nếu chủ điền vắng mặt (chủ điền tự giác quyền lợi và nghĩa vụ, không về thu tô như chúng đã gọi) thì chúng sẽ có lý do mà tự tiện thu tô thay cho chủ điền, tức trắng trợn cướp giật lúa thóc của đồng bào yếu thế ở thôn quê.

Với một xảo kế, một lời kêu gọi qui quyết, bọn C.S "chia mũi dùi" vào cả hai giới tân, cựu chủ điền và thu lợi về cả hai phía. Nhưng chắc mọi người đã có thể qua quyết; phần thiệt chỉ có người nông dân sinh sống ở miền thôn quê hẻo lánh mà phải âm thầm gánh chịu.

Vậy nên, một khi thôn quê chưa thực sự được bình ổn, một khi bọn ác ôn nằm vùng còn lảng vảng, lẩn khuất đâu đó sau lũy tre xanh, thì người nông dân còn giữ thế e dè trước quyền lợi thiết thực mà quốc gia đưa đến cho họ trong chính sách "NCCR".

D/- Phản ứng của quân nhân, công chức, sự chống đối của thương phế binh, đại điền chủ và thái độ của nông dân.

a) Phản ứng của quân nhân, công chức : đây là hai thành phần nòng cốt của chế độ, chính họ đã đem cả cuộc sống của họ và gia đình để bảo vệ chế độ, và tuy

luật đã dự liệu những trường hợp cấp phát cho quân nhân, công chức, cán bộ giải ngũ hoặc để cho gia đình trực canh, nhưng trong sơ khởi một vài ngộ nhận đã xảy ra (tại Hậu-Nghĩa, một quân nhân đòi bán bỏ nông dân rồi chịu đi ngồi tù; một quân nhân khác đã dùng vũ lực để ngăn chặn nhân viên đại diện thi hành phận sự ....)

Hai thành phần này muốn giữ nguyên tình trạng như khi chưa ban hành Luật "NCCR" và theo họ Luật này bất công đối với họ trong tư cách chủ điền và còn gây bất hòa trong xã nữa. Thỉnh thoảng, chúng ta vẫn thường được nghe nói rằng phần đông nông dân Việt đều xuất thân từ làng xã năng đầu óc bảo thủ, không muốn thay đổi nếp sống của họ mà chỉ muốn sống theo truyền thống kinh tế, xã hội do làng xã đặt ra và phật lòng mọi biện pháp nhằm thay đổi nếp sống của họ.

Tóm lại, chính quyền cần có những biện pháp hợp lý nhằm hóa giải những phản ứng bất lợi của khối quân nhân công chức này, khối người không những có sức mạnh về bầu cử mà còn bao trùm một phần đáng kể dân chúng trí thức.

b) Sự chống đối của thương phế binh, đại diện chủ.

1.- Thương phế binh : Phong trào thương phế binh trong một thời kỳ đã trở nên bài toán nan giải cho chánh quyền đương nhiệm. Những cuộc biểu tình, đốt phá và dùng ngay cả vũ khí chống lại các cơ quan quyền lực quốc gia đã từ Saigon lan rộng ra nhiều Tỉnh trên toàn quốc (Huế, Đà-Nẵng, Cần-Thơ...) Khẩu hiệu của phong trào được nêu lên : Người Cày Có Ruộng, Thương phế binh có nhà. Nhóm này đã viện vào lý do : hy sinh một phần thân thể để bảo vệ

quê hương "trở về trên đôi nạng gỗ" với hai bàn tay trắng, lấy gì để nuôi sống vợ con và việc tạo dựng một căn nhà khiêm tốn để vợ con "tránh mưa dụt nắng" là cả một đại vấn đề. Trong cao điểm của phong trào, các thương phế binh đã chiếm công lộ, vỉa hè dọc theo các công ốc hay tư gia và chỉ trong vòng đầu hôm sớm mai các căn nhà với vật liệu nhẹ đã mọc lên nhiều nơi trong thủ đô Saigon.

Giải pháp cho vấn đề là chính quyền đã phải soạn thảo 1 qui chế khá rộng rãi cho phế binh : Luật số 8/70 ngày 9.7.1970 qui định việc sản hữu hóa phế binh : ưu tiên sau nông dân hiện canh trong việc cấp phát ruộng đất theo luật "NCCR" thành lập tại Đô, Tỉnh Thị trên toàn quốc các làng phế binh mà kinh phí dự trù lên đến 4 tỷ 407 triệu đồng.

2/- Đại diện chủ : sự chống đối của thành phần này là điều hiển nhiên "Công tiền liền khúc ruột", kể từ đây không còn hai thành phần đối lập : chủ điền và tá điền. Quyền lợi kinh tế bị ảnh hưởng kéo theo 1 sự hạn chế quyền lợi chính-trị.

Tuy nhiên các chủ điền cần nhận thức rằng, sự hy sinh quyền lợi riêng tư của mình không thể nào so sánh với sự hy sinh xương trắng máu đào của chiến sĩ trên trận địa để bảo vệ tự-độc, thịnh vượng cho mọi người, trong đó có các cựu chủ điền và thân thuộc.

Nhưng dầu sao, chính quyền cũng để ý đến ước vọng nhỏ bé của cựu chủ điền : sự bồi thường mau lẹ và thỏa đáng, nghĩa là họ mong muốn được lãnh số tiền bồi thường đợt đầu tiên bằng tiền mặt ngay sau khi họ khai trình giấy tờ để chính quyền truất hữu ruộng của họ. Tục ngữ có câu :

"tiền trao cháo múc", vì vậy cơ quan điền địa chịu trách nhiệm trực tiếp công cuộc thực thi chính sách NCCR dùng bao giờ bắt buộc điền chủ có ruộng trát hữu có mặc cảm là "hàng" của họ bị ế ẩm, và do đó họ chỉ được bồi thường khi nào ruộng chính-phủ trát hữu của họ đã cấp phát xong tất cả cho nông dân tá-điền.

Thế nên, sớm hay muộn gì cũng phải bồi thường. Vậy bồi thường tòa đáng phải là bồi thường ngay lập tức vừa tránh được sự xuyên tạc của đối phương, vừa ngăn ngừa được sự mâu thuẫn giữa tân và cựu chủ điền và như vậy giúp chính sách đại đoàn kết được toàn thiện.

c) Thái độ của nông dân : từ đây, đã là giới chủ điền, niềm mong ước được làm chủ vĩnh viễn miếng ruộng mà họ đã đổ mồ hôi và của cải để vun xới trong nhiều năm, nay đã trở thành sự thật. Nhưng họ cũng nghĩ rằng quyền lợi của người chủ cũ của miếng ruộng đó không bị thiệt hại quá nhiều. Nếu không, niềm vui sướng của họ, của những người mới được chính phủ chia cho một phần "tài sản quốc gia" sẽ không được trọn vẹn; mà trái lại còn có thể họ sẽ e dè, lo ngại không người, khi nghĩ đến những hậu quả không hay có thể xảy ra cho họ do những người nóng của, những kẻ điền rồ và những bọn tay sai C.S.

Thế nên, ngày nào dư âm của những lời phản đối khá to tiếng hay tiềm tàng âm ỉ trong yên lặng nhưng rất đáng lo ngại của giới cựu chủ điền chưa được thỏa mãn, chưa chịu lắng dịu thật sự, thì ngày ấy nông dân hưởng ruộng vẫn chưa được trọn vui.

Ở đây chúng ta cần nói sơ qua những khó khăn nhỏ nhỏ mà các tân điền chủ gặp phải, làm cho họ chưa thấy được

một đời sống hạnh phúc.

- Giá lúa sụt thấp : trước hết giá lúa sụt giảm lần hồi từ cuối năm 1969. Rồi từ tháng 7, tháng 8 năm 1971 mức sụt giảm lại trầm trọng hơn nữa, khiến nên lợi tức mùa màng của nhà nông cũng giảm theo.

- Vật giá leo thang : trong khi lợi tức căn bản của toàn thể nông dân canh tác ruộng lúa sụt giảm "tiệm tiến" thì vật giá lại tăng gia nhảy vọt từ thức ăn, nông như dụng phẩm hạt giống.

- Phân bón ối đọng : cho đến phân bón là một trong những nguyên động lực chánh để tăng gia sản xuất lúa gạo cũng gặp phải tình trạng ("khủng khiếp", ối đọng hàng trăm ngàn tấn vì giá bán tăng lên rất cao.

Lý do : Bộ Kinh-Tế cấp thành phần nhập cảng phân cho các Tổ chức. Nông dân và tổ hợp thương gia theo số ngoại tệ được giải tỏa, chứ không chịu theo nhu cầu đã được các nhà nhập cảng trình xin.

Kế đó việc thay đổi hối suất ngoại tệ cấp cho ngành nhập cảng phân bón, từ 118\$ một Mỹ-Kim đã nâng giá phân hóa học lên 250\$ một Mỹ-Kim.

Nông dân chất phát, dù có nhận được ruộng cấp cho không cũng không dám mua phân quá mắc và mua đủ số cần dùng để tăng năng suất lúa. Do đó phân bón bị ối đọng và nhà nhập cảng phải điêu đứng, trong số có Hiệp-Hội Nông-Dân Trung-Ương. Dĩ nhiên Tổ chức Nông dân là "của" chung của toàn thể nông dân, nên khi tổ chức của họ thua lỗ, họ phải gánh chịu ảnh hưởng lây.

Chung qui, người nông dân mới "phủ chân" ngồi lên chiếc ghế "chủ điền" đã phải thiệt thòi về cá nhân (giá lúa sụt kém) và cả về tổ chức nữa (TCND thua lỗ) thì làm sao họ "sung sướng" lên được chứ.

Ngài ra kể từ năm 1971 trở đi, những người được hữu sản hóa trong năm 1970 đã phải bắt đầu nghĩ đến thuế khóa, vì điều 14 của Luật 3/70 chỉ dự trừ miễn thuế cho năm đầu tiên mà thôi. Thế nên, các tân chủ điền tự hỏi và rất lo âu về sắc thuế mà điều 14 Luật 3/70 gọi là "lệ phí điền thổ và mọi phí khoản khác" mà họ sẽ gánh chịu trong năm thứ hai sẽ là bao nhiêu? Có cao hơn hay thấp hơn tô suất đã nộp cho chủ điền? Chỉ cần nhớ lại thuế trước kia họ chỉ phải trả địa tô theo "tinh thần hiểu biết" giữa hai giới với nhau mà thôi, họ đã đâm lo cuống với vấn đề thuế khóa chưa được chính phủ định rõ ràng hơn là điều 14 Luật 3/70, quá tổng quát và quá rộng rãi.

## Tiết II : THẨM ĐỊNH GIÁ TRỊ CỦA LUẬT "NCCR".

A/- So sánh với công cuộc CCĐĐ của Mặt Trận Giải Phóng miền Nam : chúng ta cần đối chiếu Luật NCCR với chính sách Cải cách ruộng đất của V.C để tìm ra những ưu, khuyết điểm.

I) Chính sách CCĐĐ của MTGPMN : Cộng-Sản miền Nam đã đưa ra một chính sách CCĐĐ để tranh thủ nông dân tại những vùng kém an ninh. Trong bản cương lĩnh chính trị của MTGPMN ngày 17.12.1969 đã đưa ra một chương trình CCĐĐ gồm những điểm chính yếu sau đây :

- Chủ trương Người Cày Có Ruộng.
- Tôn trọng quyền tư hữu chính đáng của Nhà Chung, Nhà Chùa, Thánh Thất.



- Tịch thu ruộng đất của đế quốc Mỹ và bọn địa chủ.
- Nhà nước sẽ thương lượng mua lại ruộng đất của địa chủ.
- Đối với ruộng đất của chủ điền vắng mặt, sau này sẽ căn cứ vào thái độ chính trị của từng địa chủ mà giải quyết một cách thỏa đáng.
- Thừa nhận địa chủ hiến ruộng cho Hội-Đông Nông Dân Giải-Phóng.
- Phân chia công điền một cách công bằng và hợp lý.

Chế độ CCRĐ của V.C trên đây rất đẹp đẽ đối với nông dân khổ khạc, nhưng trong thực tế chúng đã cho thi hành các biện pháp sau đây :

- Khi C.S chưa đủ lực lượng và cần ve vãn nông dân, nhất là để đối lại với chính sách CCRĐ của VNCH nên chúng đề xướng chủ trương tôn trọng quyền tư hữu cùng các biện pháp có tính cách ôn hòa để lấy lòng nông dân và địa chủ. Đó chỉ là một sách lược giai đoạn. Một khi lực lượng chúng đã đủ mạnh và chiếm được nhiều vùng rộng lớn, sẽ thực hiện một chính sách CCRĐ toàn diện nhằm bần cùng hóa nông dân.

- C.S áp dụng cho mỗi loại ruộng đất một mức độ thuế khóa khác nhau, Thường thì nông dân phải đóng thuế nông nghiệp rất nặng, cao hơn cả tiền mà tá điền trả địa tô cho chủ điền :

II) Luật 3/70 với chính sách CCRĐ của V.C :  
chúng ta so sánh hai chính sách qua : mục tiêu, nguyên tắc thi hành và ảnh hưởng :

a/ Mục tiêu : Luật NCCR nhằm hữu sản hóa nông dân với chủ trương tôn trọng quyền tư hữu, còn V.C chủ trương hủy bỏ quyền tư hữu. Công-Sản chỉ tạm cấp đất cho bản cố nông để đối phó với chính sách "NCCR" của VNCH, chắc chắn V.C sẽ tập trung ruộng đất vào nông trường tập thể như tại miền Bắc để thực hiện mục tiêu hủy diệt quyền tư hữu.

b/ Nguyên tắc thi hành : chủ trương của VNCH là truất hữu những ruộng đất của điền chủ không trực canh để cấp phát vô thường cho nông dân nhưng vẫn bồi thường cho điền chủ một cách thỏa đáng. Trong khi đó, V.C cướp ruộng của điền chủ cấp cho nông dân và tùy theo thái độ chính trị của điền chủ mà giải quyết bằng các biện pháp đấu tố. Việc thương lượng mua lại ruộng đất của điền chủ chỉ là hình thức ve vãn.

c/ Ảnh hưởng :

1- Luật NCCR của VNCH.

\* Xã hội : giúp nông dân có một đời sống no ấm, đầy đủ, tạo lập một xã hội nông thôn trong công bằng.

\* Kinh tế : gia tăng sản xuất nông nghiệp.

\* Chính trị : gây lòng tin tưởng của nông dân đối với chính quyền quốc gia, xây dựng dân chủ.

2- Chính sách CCRD của V.C.

\* Vô nhân đạo vì không tạo hạnh phúc, công bằng cho nông dân.

\* Địa chủ hoàn toàn chống lại chính sách của V.C, còn bản nông không hoan nghênh vì V.C không thực tâm tư hữu sản hóa nông dân.

Tóm lại, điều mấu chốt là nhà cầm quyền miền Nam đã dùng phương thức của C.S : "Cải cách Điền-Địa" để đánh bại C.S.

B/- Luật "NCCR" về ba phương diện : xã-hội, kinh tế, và chính trị.

1) Về phương diện xã-hội :

a/ Ưu điểm : Kể từ đây, với Luật số 3/70, chúng ta đã có phương thuốc để trị căn bệnh truyền kiếp đã hiện hữu trong một xã hội hưởng nông như V.N chúng ta; sự chênh lệch các phương tiện sản xuất đóng khung trong lãnh vực điền địa. Ý thức rằng phương thuốc của C.S : hủy diệt quyền tư hữu, thay thế động cơ "sáng kiến cá nhân" bằng động cơ "nỗ lực cưỡng bách" không phù hợp với xã-hội V.N; nên chúng ta, những người quốc gia, chủ trương không phải là phủ nhận quyền tư hữu mà chính là ngăn chặn không để cho tác hại : ruộng vườn quá rộng rãi của một cá nhân phải bị giới hạn, ngược lại phần ruộng bị truất hữu để cấp phát cho nông dân sẽ được "bồi thường thỏa đáng".

Nhờ vậy, tình trạng tức thì xuất hiện sau khi ban hành Luật "NCCR" là không còn hai lực lượng đối cực : chủ điền và tá điền, không còn cảnh : "nghèo công xương sống, nghèo công xương sườn, nghèo khạc ra tro, nghèo ho ra máu" và : "trên ô tô, dưới thì ca-nô". Do việc bãi bỏ chế độ tá canh, bao tá vào khoảng 1.334.404 nông dân sẽ được làm chủ thửa ruộng họ đang cày cấy.

Hình ảnh thịnh-vượng thực tế tại vùng lỵ-vực sông Cửu-Long sau đây, cho ta thấy rõ thành quả xã-hội của Luật NCCR. Trước đây ba năm chỉ có 300 máy cày được sử

dụng giờ đây có đến 5.000 máy cày, đường xá đầy xe gắn máy, và đường như mỗi làng đều có những cột giây trời truyền hình vươn lên giữa những cây dừa.

b)- Khuyết điểm : trên bình diện xã hội, các khuyết điểm đã tìm gặp ở những điểm sau đây :

- Bất công giữa các đoàn thể : Điều 5 qui định Luật này không áp dụng đối với ruộng đất hiện hữu của các tôn-giáo. Trước pháp luật, Giáo-hội cũng chỉ là pháp nhân tư-pháp như mọi đoàn thể khác, dành đặc quyền cho Giáo-hội, nhà lập pháp đã vô tình tạo nên một tình trạng bất công giữa các đoàn thể.

- Bất công giữa điền chủ Trung-phần và Nam-phần : Tại miền Trung, đại đa số điền chủ có từ 3 ha đến 10 ha, chỉ 1 thiểu số vào khoảng 50/o tổng số điền chủ có trên 10 ha vì vậy việc áp dụng suất lưu trí trực canh duy nhất 15 ha đã tạo nên một tình trạng bất công : chủ điền miền Nam phải hy sinh hơn chủ điền miền Trung.

- Bất công đối với tá điền hiện canh : Trước đây một số tá điền đã muốn trên 3 ha (Nam-phần) hay trên 1 ha (Trung phần), ngày nay sẽ bị truất quyền trên phần thặng dư. Trong trường hợp này những gia đình đông người sẽ không đủ sống với số ruộng được cấp phát theo luật định (gia đình nông-dân gồm cha mẹ, vợ chồng, con cái sống chung dưới một nóc nhà và được kê khai trong sổ gia đình). Vì vậy, người ta có thể tiên đoán trong tương lai những gia đình này sẽ phải đi thuê ruộng một cách trá hình : làm rẽ chẳng hạn.

## II/ Về phương diện kinh tế :

a)- Ưu điểm : động cơ phát triển của mọi cộng-đồng là sáng kiến cá nhân và yếu tố kích thích sáng kiến cá nhân là quyền tư hữu. Giúp tá điền quyền tư hữu mới hy vọng

tá điền đem công lao, tâm trí gia tăng năng suất. Bản điều tra của phái đoàn Stanford cho biết : "Ước vọng sâu xa và hàng cứu của nông dân vẫn là <sup>lao</sup> sở hữu chủ một thửa ruộng". Năng suất gia tăng mới mong phát triển cạnh nông phải là điều kiện tiên quyết cho 1 cuộc cách mạng kỹ nghệ.

Ruộng đất từ đây sẽ được quân bình.

Trong công luận nhiều giới đã chỉ trích rằng việc tẻ phân điền sản sẽ gây khó khăn cho việc cơ giới hóa nông nghiệp.

Nhận định này chỉ đứng trên lý thuyết, và có lẽ thiếu cận khi đối chiếu với thực trạng nông thôn V.N về đà tiến-bộ của văn minh kỹ thuật.

Quá vậy dưới chế độ tá canh làm rẽ, ruộng đất đã bị tẻ phân, do đó sự qui định của Luật không chỉ là một sự hợp thức hóa tình trạng đã có sẵn mà còn tạo được kích thích tố cho tư nhân là thừa nhận quyền tư hữu. Cũng cần nói thêm rằng đối với đại điền chủ họ không có lý do thúc đẩy canh-tân kỹ thuật, bao nhiêu lợi tức họ có đều xử dụng trong việc chi tiêu để khoe khoan địa vị. Họ cũng không ham đầu tư vào kỹ nghệ, vì họ không có ý thức về đầu tư kỹ nghệ. Địa vị hiện có của họ do nông nghiệp vì vậy họ cố duy trì tình-trạng này.

Ngoài ra, việc tẻ phân cũng không làm cản trở cơ-giới hóa nông nghiệp do sự tiến bộ của văn minh kỹ thuật. Giáo-sư Otto Schiller trong buổi nói chuyện ngày 6.1.1960 về những kinh nghiệm nông nghiệp liên quan đến tiểu điền-địa; đã cho biết tại Đức tiểu điền địa cũng chiếm đa số như VN. nhưng nhờ các kỹ sư, bác học đã chế các nông cơ, nông cụ phù hợp với diện tích tẻ phân.

Tóm lại triển vọng thành công của Luật "NCCR" về phương diện kinh tế sẽ là 1 phương tiện để loại trừ phần lớn sự thiếu ăn và đói kém đang làm kiệt quệ dân ta và cung cấp công việc làm cho nông thôn.

b)- Khuyết điểm : Việc giải tư các xí nghiệp quốc doanh quá chậm, phải đến tháng 7 năm 1972 nghĩa là sau hơn hai năm thực thi Luật "NCCR", chính phủ mới qui định hoán đổi các trái phiếu CCDD bằng cổ phần trong các Công-Ty Kỹ nghệ giấy V.N, bông vải VN, đường VN, đường Bình-dương, đường Quảng-ngãi, khiến không giảm thiểu ảnh hưởng lạm phát và không hướng dẫn địa chủ từ những hoạt động dính liền vào đất cát chuyển sang kỹ nghệ sinh lời hơn. Công việc này lại mới chỉ được trưng cầu ý kiến và còn cần được sự ủng hộ của địa chủ mới có thể được thi hành.

Cũng cần nói thêm đoạn 2 điều 9 và điều 10 của Luật 3/70 qui định : "Số tiền còn lại được trả bằng trái phiếu. Các trái phiếu này có thể đem cầm, chuyển nhượng, giải tỏa các món nợ để đương, trang trái thuế điền thổ hoặc để mua cổ phần các xí nghiệp tư hoặc quốc doanh".

Biện pháp này chỉ có giá trị về phương diện lý thuyết, trên thực tế, các đệ tam nhân ngay các xí nghiệp quốc doanh ít khi chấp nhận trái phiếu này.

### III) Về phương diện chính trị :

a)- Ưu điểm : Sự thành công của luật 3/70 về phương diện chính trị sẽ quyết định sự tồn vong của chế độ. Ước mơ hằng cửu của nông dân là làm chủ thửa ruộng họ cấy cấy, và một khi giấc mơ này được chế độ biến thành sự thật, người nông dân mới thấy chế độ vì họ, của họ, họ sẽ là một lực lượng bảo thủ về chính trị, không chấp nhận việc khuynh

đào một chính quyền đã mang lại cơm áo cho họ. Một cố vấn dân sự Hoa-kỳ tại khu vực sông Cửu-long đã nhận xét : "Để cho họ mập đi, cần nó đủ không theo Cộng-Sản". Đây chính là tâm trạng của nhân dân Nhật-bản sau cuộc Cải-cách Điền-địa năm 1946.

Luật 3/70 còn cấp tiến khi đặc biệt lưu tâm tới người hiện canh không phân biệt họ thuộc phe nào. Nông dân ở vùng đối phương kiểm soát được tiếp tục canh tác thửa ruộng do C. S phân chia; được cấp quyền sở hữu thiết thực chứ không chia tạm thời không giấy tờ bảo đảm như đối phương đã làm, lại được giúp đỡ tài chánh, kỹ thuật để tăng gia sản xuất.

Mong rằng Luật "NCCR" sẽ là vũ khí trước tiên thúc đẩy dân chúng đánh C.S như Cộng-sản đã dùng dân chúng đánh Pháp trước đây.

b)- Khuyết điểm : Luật số 3/70 đã không qui định nổi một chính sách CCDD, mà chỉ là một chương trình nhằm đối tượng chính yếu là nông dân hiện canh. Chính sách CCDD bao gồm cả hai lãnh vực : nông thôn và thành thị, thì Luật 3/70 chỉ chi phối nông thôn mà thôi, và ngay tại nông thôn gồm nhiều sinh hoạt, thì luật 3/70 chỉ chi phối ruộng lúa và ruộng đất trồng hoa màu phụ mà thôi.

Ngoài ra hai mục đích của Luật 3/70 vừa quá rộng vừa quá hẹp.

Quá rộng vì Luật 3/70 chỉ thực hiện được mục đích hữu sản hóa mà thôi, chứ không thực hiện nổi mục đích thứ nhì là thăng tiến đồng đều cho mọi nông dân; vì số ruộng do Luật này chi phối không đủ cấp phát cho mọi nông dân.

Quá hẹp vì Luật 3/70 đã không nêu mục đích phát-triển kỹ nghệ, quả vậy nhà làm luật đã đặt những ruộng đất

có dụng đích kỹ nghệ ra ngoài phạm vi áp dụng của Luật này.

TIẾT III : NHỮNG BIỆN PHÁP BỔ-KHUYẾT  
CHO LUẬT "NCCR".

A/ Những biện pháp kinh tế :

a)- Nông tìn : Nông dân V.N nghèo, thực trạng này khó chối cãi. Việc cung cấp đất cho nông dân cày chỉ mới là giai đoạn khai sinh, vấn đề quan trọng là làm sao cho nông dân có phương tiện để sản xuất, đây là sự yểm trợ tài chánh. Nếu vấn đề này không được giải quyết, nông dân không thể thoát khỏi vòng ảnh hưởng của địa chủ. Gunnar Myrdal cho rằng : "CCDD chỉ có hiệu quả khi đi đôi với 1 chánh sách mạnh mẽ hủy bỏ các món nợ cũ cho nông dân, cấm vay thêm nợ mới, cấm cầm cố và bán đất".

Do đó một chính sách nông tìn hữu hiệu cần bao gồm những điểm chính yếu sau đây :

- Tổ chức nông tìn phải có khả năng tài chánh dồi dào để tài trợ cho mọi sinh hoạt của nông thôn (nông cơ; nông-cụ, thuốc sát trùng, hạt giống ...)

- Chính sách nông tìn dùng quá chú trọng đến khía cạnh chính trị, xã hội mà phải là một chính sách tìn dụng kinh-tế nghĩa là nông dân được giúp vốn đúng nhu cầu nhưng phải dùng vốn ấy vào hoạt động canh tác, gia tăng sản xuất, cải thiện nếp sống ở nông thôn.

- Tạo một ý thức trách nhiệm ở nông thôn : nhiều nông dân có ý nghĩ tiền vay là tiền cho không, không trả cũng chẳng sao, nhiều nông dân lại khai man. Cần đả phá thành kiến và nếu cần Ngân-hàng Phát-triển Nông-nghiệp có thể áp dụng những biện pháp mạnh như truy tố ra Tòa, ngưng tài trợ.

Các định chế có nhiệm vụ cung cấp nông tìn sẽ là :



- Ủy ban tín dụng xã : nhờ Ủy ban biết rõ lý lịch của nông dân, khả năng sản xuất, nhu cầu tín dụng, dễ dàng đòi nợ khi đáo hạn.

- Tổ chức nông dân : vì là tổ chức nên có tài sản bảo đảm, các hội viên tự kiểm soát lẫn nhau để không bị thiệt thòi nếu có sự thâm lạm.

- Ngân hàng nông thôn : tránh được chính trị chi phối nông dân không dám ý lại vì rằng định chế này có tính cách tư nhân.

b) Đánh thuế điền nông dân : Trong công luận, 1 vài giới đã yêu cầu miễn thuế điền cho nông dân, lý do được nêu lên là đập tan âm mưu xuyên tạc của C.S, tránh được nạn tham nhũng. Lập luận này tuy hợp lý nhưng vẫn còn phiến diện vì không nhìn được nhiều khía cạnh của vấn đề.

Miễn thuế sac được khi ngân sách quốc gia càng ngày càng thêm chùng, viện trợ Hoa-kỳ càng ngày càng giảm với đả Việt hóa. Thực trạng này không cho phép cứ mãi mỵ dân, để người dân cứ mãi khoản trắng cho chính quyền.

Phải đánh thuế điền nông dân, có vậy mới mong hy vọng gia tăng phần thâu cho ngân sách quốc gia vì tại những quốc gia hướng nông như V.N chúng ta, dân số hoạt động trong canh nông chiếm một tỷ-lệ lớn, có vậy mới hy vọng biến canh nông sinh nhai thành canh nông thị trường vì rằng nông dân sẽ cố gắng sản xuất dư thừa để nông phẩm được thương mại hóa, chính phủ đánh được thuế rồi tài trợ cho nông dân dưới hình thức nông tín, nông cơ, nông cụ. Vậy đây chỉ là một hình thức tái phân phối lợi tức.

Hiện nay ở nông thôn, mức thuế điền tối đa là 350\$ (ruộng thượng hạng với năng suất 2.000kg lúa). Trong hiện tại tin tưởng vào sự giúp đỡ của Hoa-kỳ, chính quyền có thể

hy sinh phần thâu thuế lợi tức để dành được sự ủng hộ của nông dân. Nhưng với việc giảm dần cự hiện diện của Mỹ, chính quyền sẽ phải đánh thuế ruộng đất (trong năm 1971). Thiển nghĩ mức thuế thích hợp là 50/o lợi tức của mỗi vụ mùa; giá ngạch này không làm nông dân bất mãn vì với V.C mức thuế là 100/o.

c) - Hợp-tác-xã nông nghiệp, tổ chức nông dân :  
Trong bài diễn văn ngày 26.3.1970 Tổng-Thống Nguyễn-văn-Thiệu đã nói : "Cách mạng ruộng đất là nếp sống cá nhân ích kỷ phải nhường bước cho nếp sống tập thể có tổ chức qua những tổ hợp để tập trung nỗ lực của nhiều người trong công việc phát-triển cộng đồng chung của quốc gia xã hội".

Tổ hợp dưới hình thức hợp-tác-xã nông nghiệp đã xuất hiện từ lâu với những mục tiêu khá đẹp : cho vay, phổ biến kỹ thuật canh tác, điều hòa thị trường nông phẩm .. mặc dầu được sự giúp đỡ của chính quyền nhưng tổ chức này đã dần dần vắng bóng do sự cạnh tranh của thương gia Hoa-Kiều.

Về tổ chức nông dân, chúng ta thấy kết quả ở vài nơi, nhưng chỉ vài nơi thôi vì tổ chức này còn quá ít so với khối nông dân khổng lồ : tính cho đến cuối năm 1971, ở cấp quận có tất cả 134 Hiệp Hội nông dân; trong đó 28 quận hội đủ điều kiện hoạt động, 53 quận hội hoạt động yếu và 53 quận hội ngưng hoạt động.

Hai khuyết điểm đã đến với Tổ chức nông dân này : Bên cạnh những tổ hợp được khai sinh và nuôi dưỡng bởi những "cán bộ bình định và phát triển nông thôn" do Bộ Phát-triển Nông thôn lãnh đạo và cung cấp phương tiện còn hiện diện những tổ chức nông dân khác chịu sự chi phối của hai Bộ : CCDD và PTNNM, Lạc-động; từ đó, một tình trạng chia năm xẻ bảy làm suy yếu lực lượng nông dân đã nhận thấy dưới các khía cạnh tổ chức, tiếp liệu ..... Về việc tài trợ nông tín cho các

Tổ hợp nông dân, các bộ sở quan đã trợ giúp một số vốn sơ khởi một cách dễ dàng và rộng lượng để tổ hợp viên làm căn bản hoạt động, nhưng ngân sách quốc gia không phải là không giới hạn để mãi biểu không cho các Tổ chức nông dân.

Chính quyền cần áp dụng phương thức sau đây hùng triệt tiêu hai khuyết điểm vừa kể :

- Sinh hoạt của tổ chức nông dân dưới mọi hình thức cần được duy nhất hóa càng sớm càng tốt cùng tiến lên con đường thống nhất các TCND.

- Hình thức nông tín không phải là phát vay rồi rạc cho từng cá nhân mà phải nhắm thẳng vào chủ đích kết hợp các cá nhân "NCCR" với điều kiện đồng tiền phát vay được sử dụng hợp lý, nghĩa là hình thức nông tín phải là một thứ khuôn khổ làm bằng tình tương trợ, tinh thần hợp tác của các nông dân vừa được cấp ruộng.

Nhưng tổ chức cao nhất kết hợp nông dân phải là Hợp-tác-xã nông nghiệp. Hợp-tác-xã hoạt động trong phạm vi rộng lớn (liên xã, liên quận, liên tỉnh); phi xã hội, phi chính-trị nghĩa là có tính cách kinh tế nhờ vậy có được sự cạnh-tranh để gia tăng sản xuất.

Vì vậy cần tái lập và bành trướng mạnh mẽ hợp-tác-xã nông nghiệp với sự chấn chỉnh về nhân sự cũng như phương-thức hoạt động.

d) Cơ giới hóa nông nghiệp : phải cơ giới hóa nông nghiệp nếu không thì ngàn năm sau hình ảnh vẫn là một con trâu ngổ ngẩn đi trước một cái cày vô tri và một nông-dân cõn trên lưng đất đã cần cõn vì thuốc khai quang. Cơ giới hóa mới giúp gia tăng sản xuất, công việc bớt nhọc nhằn Kinh nghiệm tại Đài-Loan cho thấy : nông dân đã nhập cảng những kỹ thuật trung đẳng để thích ứng với sự tẻ phân đất đai.

Về thực trạng nông thôn V.N, chính quyền sẽ huấn-luyện nông dân xử dụng những nông cơ, nông cụ phù hợp với diện tích canh tác rồi theo đà phát triển của chương trình tụ kết ruộng đất cùng sự mở mang kỹ nghệ hóa nước nhà, chính quyền sẽ cơ giới hóa hoàn toàn lãnh vực nông nghiệp. Quan điểm này đạt được nhiều ưu điểm : phù hợp với nông trí còn thấp kém, không đòi hỏi tư bản lớn lao để nhập cảng, không gây ra tình trạng thất nghiệp trong lãnh vực canh nông.

e)- Chương trình dinh điền và khu trù mật : đây là một quốc sách dưới chính thể đệ I Cộng-Hòa nhằm tái canh hoang điền, di dân đến khai khẩn các khu vực phì nhiêu nhưng còn ở trong tình trạng hoang vu. Diện tích khả canh này lên đến 3.500.000 ha (diện tích trồng trọt được nhưng không khai thác : 2.000.000 ha, diện tích không khai thác vì thiếu thủy lợi : 1.500.000 ha). Địa điểm dinh điền và khu trù mật được thiết lập tại vùng Cao-nguyên với đầy đủ cơ phận : cơ quan Hành-chánh, chợ, trường học, bệnh xá ... Sau cuộc cách mạng 1.11.1963 do tình trạng kém an ninh nên chương trình đã sụp đổ theo cùng chế độ đệ I Cộng-Hòa.

Thiết nghĩ, chính quyền đệ II Cộng-Hòa có thể tái dụng chương trình này trong chính sách 'NCCR' vì nhờ đó diện tích hữu sản hóa cho nông dân được gia tăng, quân bình vấn đề phân phối dân số, củng cố được an ninh lãnh thổ và nhất là thỏa mãn được nhu cầu cấp thiết hiện nay là định cư cho những đồng bào tỵ nạn C.S, nạn nhân chiến cuộc.

f)- Tăng năng suất : sản lượng nông nghiệp biến thiên đồng hướng cùng diện tích canh tác, nhưng với một diện tích bất biến, sản lượng nông nghiệp cũng có thể gia tăng bằng :: Thủy nông, thâm canh, thuốc sát trùng, phân bón, hạt giống ... Các biện pháp kỹ thuật này có mục đích yểm trợ cho chính sách 'NCCR'.

1. Thủy nông : Nông dân sẽ dẫn thủy nhập điền trong mùa nắng, thoát thủy khi ruộng đất bị ngập nước mưa, ngừa nước mặn xâm nhập ruộng đất vùng ven biển.

2. Thân canh : Nông dân V.N phần lớn đều canh tác theo lối "quảng canh" nghĩa là chỉ trồng một loại hoa màu phụ trong mùa mưa, trong suốt thời gian còn lại bỏ đất trống. Do đó tiềm năng về thân canh có thể được khai thác để tăng gia sản xuất bằng cách canh tác quanh năm.

Nhiều chuyên viên đã ước lượng, nếu vấn đề thân canh được thực hiện, sản lượng nông dân sẽ gia tăng 2 hay 3 lần, nhờ vậy mức sống của nông dân sẽ được nâng cao.

3. Hạt giống, phân bón, thuốc sát trùng.

- Hạt giống : tổ chức Lương nông Liên-Hiệp quốc (F.A.O) tin rằng những giống lúa mới tượng trưng cho sự hy vọng tràn trề về tình trạng thực phẩm hiện nay. Nhiều quốc gia thiếu mở mang trước đây vẫn phải nhập cảng lúa gạo nhưng trong vòng một năm sau khi thử trồng loại lúa mới, mùa màng của các nước này khá thành công.

Nhận định trên cần phải được đón nhận.

Vai trò của nhà hữu trách là lựa chọn giống tốt căn cứ trên hai tiêu chuẩn : năng suất cao và phẩm chất tốt.

- Phân bón : nông dân V.N cày cấy nhờ vào thời tiết, nông trí thấp kém chưa cho phép họ tiếp nhận những tiến bộ kỹ thuật, họ đâu có biết rằng sử dụng phân bón có thể giúp năng suất lúa gia tăng từ 50o/o đến 100o/o (một nông dân Nhật áp dụng biện pháp này đã sản xuất 10,568 tấn lúa một mẫu. Nagai, I Japonica Rice).

Do đó, chính phủ cần khuyến khích nông dân sử dụng phân bón, muốn vậy phân bón phải giá hạ (cho phân bón được

hương hối suất 118\$ một Mỹ kim), phân phối đến tay nông dân đúng loại, đúng mức và đúng lúc.

- Thuốc sát trùng : nhằm bảo vệ mùa màng, cần khuyến khích và nâng đỡ các hãng thuốc sát trùng trong xứ cải tiến nghề nghiệp.

B/ Những biện pháp khác :

a)- Áp dụng chủ trương quân sự, chính trị song hành : để đo đạc và phân lô ruộng đất chính xác, định năng suất ruộng công bằng hợp lý, tạo lập an ninh để nông dân canh tác, chính phủ phải áp dụng chủ trương quân sự, chính trị song hành, nhờ vậy nông dân thoát được cảnh một cổ hai tròng.

b)- Giảm đi hóa thủ tục : vấn đề thủ tục tuy cần thiết nhưng phải giảm đi hóa để tránh mất thì giờ cho nông dân. Thiết tưởng thủ tục cấp phát ruộng đất nên tổ chức theo hệ thống dây chuyền, tương tự như các toán lưu động làm căn cước.

c)- Đập tan âm mưu xuyên tạc của cộng-sản : chánh sách "NCCR" của ta nhằm phân phối ruộng đất, chấm dứt chế độ tá canh và nạn bao tá, giúp nông dân thành tiểu điền chủ. Ta có chính nghĩa, thế mà ta không quảng bá được chính nghĩa để cho người dân ý thức được ích lợi trong công cuộc CCDD, đồng thời tấn công phản tuyên truyền xuyên tạc của C.S. Trong khi chánh sách CCDD của C.S nhằm mục đích đấu tranh giai cấp, tiêu diệt phú nông, bần cùng hóa nông dân... thế mà chúng vẫn có khả năng tuyên truyền xuyên tạc chánh sách của ta, điều đó khiến ta không thể giữ mãi quan niệm : "hữu xạ tự nhiên hương", mà phải nhận rằng thông tin tuyên-truyền có mãnh lực đổi trắng thay đen. Do đó chúng ta cần phải duyệt xét lại chánh sách và đường lối thông tin để đập tan

âm mưu xuyên tạc của C.S.

d)- Kiện toàn cơ cấu tổ chức, nhân sự :

1. Cơ cấu tổ chức :

- Phải thành lập một ủy ban Hỗn hợp Nghiên cứu CCEP qui tụ các chuyên viên V.N và ngoại quốc, có vậy mới tránh khỏi sự trì trệ thường có của các Ủy ban HC do các công-chức tham dự.

- Cơ quan điền địa nên được nâng lên hàng một Bộ CCEP, biệt lập đối với bộ canh-nông, để nhấn mạnh tầm quan trọng của chính sách 'NCCR'.

2. Nhân sự : Cán bộ phải đầy đủ bằng cách can thiệp với các cơ quan (nhất là Bộ Quốc-phòng) giao hoàn bộ CCEP các chuyên viên biệt phái và nhập ngũ. Để cán bộ hăng say phục vụ cần đãi ngộ xứng đáng bằng một qui chế rộng rãi với nhiều quyền lợi.

b) Giáo-dục : hiện nay, được quan niệm là một thành tố quan trọng trong việc phát triển kinh tế quốc gia.

Là một quốc gia mới thu hồi độc lập, chính sách giáo dục V.N từ trước đến nay nặng về phổ thông mà nhẹ về kỹ-thuật. Tuy là một quốc gia trọng nông nhưng nông học không được chú trọng đúng mức cho nên không đào tạo kịp cán bộ và chuyên-viên để cung ứng cho hoạt động nông nghiệp. Theo phúc trình của Tiến-sĩ John Furlong nhận công hoạt động trong lãnh vực nông lâm ngư súc vào khoảng 4.500.000 người, trong khi số S. V, học-sinh nông lâm súc chỉ có 6583 người.

Do đó : "phát triển nông nghiệp dài hạn sẽ không thể nào có được nếu trong hệ thống kinh tế và trong tư tưởng mọi người chưa gạt bỏ được thái độ cố hữu kinh miệt nghề tay chân", nghĩa là giáo dục kỹ thuật phải được phổ cập ngay từ tiểu học, phát triển tại Trung-học và bành trướng tại Đại-học. Chính sách giáo dục của chúng ta phải liên kết

với chương trình ruộng đất để thích hợp với đời sống nông thôn, thỏa mãn những đòi hỏi của nông dân, có như vậy mới giảm bớt số thanh niên bỏ công việc đồng áng lên thành thị kiếm việc làm, gia tăng lợi tức và mức sống của nông dân. Chính sách giáo dục này phải bao gồm chương trình giảng dạy nông học ở cấp tiểu học, trung học để có thể hướng nghiệp học sinh ngay từ thuở ấu thơ. Bậc đại học phải đặt nặng đến việc khảo cứu, do đó cần có một kế hoạch yểm trợ rõ rệt về phương diện khảo cứu ứng dụng cho nông nghiệp của các trường đại học hay cao-đẳng.

Trong một chính sách giáo dục hướng nông, chúng ta còn phải kể : giáo dục kỹ thuật, huấn luyện về bảo thủ và cải tiến đất đai... cho nông dân.

f) Hạ tầng cơ sở : chương trình này bao gồm việc khuyến khích trương giao thông, điện khí hóa nông thôn.

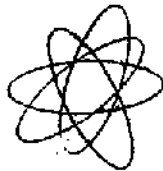
- Giao thông : trở ngại đáng kể trong việc phát triển nông nghiệp tại các quốc gia kém mở mang là sự thiếu sót 1 hệ thống vận tải.

Do tình trạng chiến tranh, hệ thống giao thông của chúng ta đều nhằm vào việc thỏa mãn nhu cầu quân sự nên có sự bất quân bình giữa quốc lộ và hương lộ : quốc lộ được tu bổ và phát triển quân lộ và hương lộ từ thời Pháp thuộc đến bây giờ gần như không được chăm sóc, càng ngày càng hư hại và không còn sử dụng được.

Thiết nghĩ chính quyền cần sửa chữa những hương lộ cần thiết, tân lập những hương lộ dẫn vào các vùng quê hẻo lánh nhờ vậy việc giao thương được dễ dàng và nông phẩm mới hy vọng được thương mại hóa.



- Điện khí hóa nông thôn : chương trình này làm cho đời sống nông thôn hấp dẫn hơn : các tiện nghi vật chất ở thành thị (vô tuyến truyền hình, tủ lạnh) được du nhập vào nông thôn, nhờ vậy cuộc sống thành thị không quá cách biệt với nếp sống sau lũy tre xanh.



# CHƯƠNG III

## ĐỀ NGHỊ MỘT CHÍNH SÁCH CẢI CÁCH ĐIỀN-ĐIA ÁP DỤNG TẠI VNCH.

### TIẾT I : NHỮNG NGUYÊN-TẮC ĐIỀU HƯỚNG CHO MỘT CUỘC CCĐĐ.

Giáo sư Tseng Hsiao, nhà cải cách điền địa nổi tiếng của Trung-hoa quốc gia đã đưa ra 6 nguyên tắc sau đây để điều hướng cho một cuộc CCĐĐ.

A/ Nguyên tắc bình đẳng kinh tế : mọi nông dân vô-sản phải được hữu sản hóa bằng việc tái phân ruộng đất, nhưng đồng thời vẫn tôn trọng quyền tư hữu của địa chủ.

B/ Nguyên tắc tự do sinh tồn : nông dân phải có được một nếp sống tự chủ về kinh tế để trở thành một phần tử căn bản trong một xã hội độc lập và tự do.

C/ Nguyên tắc tăng gia sản xuất : nông dân được khuyến khích chăm sóc ruộng đất để tăng gia sản xuất.

D/ Nguyên tắc an ninh xã hội : nông dân được trợ giúp để thoát khỏi cảnh nghèo túng hầu tránh những xáo trộn cho nền an ninh xã hội.

E/ Nguyên tắc an lạc công cộng : tài nguyên thiên nhiên phải thuộc quyền công hữu, tiêu trừ việc đầu cơ trục lợi trên đất đai để công cuộc CCĐĐ đem lại sự cải thiện về mặt chính trị, kinh tế, văn hóa giáo dục, quốc phòng.

F/ Nguyên tắc cải cách ôn hòa : công cuộc CCĐĐ phải được thực thi trong khuôn khổ pháp lý.

### TIẾT III : ĐỀ NGHỊ CẢI CÁCH ĐIỀN ĐÌA

A/ Chủ trương của chính sách CCĐĐ : chính sách CCĐĐ sẽ bao gồm các chủ trương sau :

- a)- Phân chia ruộng đất công bằng, hợp lý.
- b)- Ruộng đất chỉ cấp phát cho nông dân hiện diện trong xã ấp và phải tự mình canh tác : nguyên tắc trực canh.
- c)- Xây dựng những cộng đồng thôn ấp để tiến đến một cộng đồng quốc gia hùng mạnh.
- d)- Cơ giới hóa nông nghiệp để tiến dần đến kỹ-nghệ hóa xứ sở.

B/ Chính sách Cải Cách Điền-Đìa : mặc dầu cần phải thực hiện nhanh chóng, nhưng đồng thời để tránh những đụng chạm quá đáng đến các thành phần xã hội khác, chính sách CCĐĐ sẽ tuân tự tiến hành qua ba giai đoạn.

a)- giai đoạn 1 : Giai đoạn này được coi như chuẩn bị cho một cuộc sống cộng đồng trong một tương lai gần. Ruộng đất trong làng chia làm 3 loại :

- Công điền công thổ
- Ruộng tịch thu của cán bộ C.S (theo kế hoạch bình định phát triển nông thôn, khi chiếm được thôn ấp nào chính quyền sẽ bắt hết các cán bộ tay sai đặc lực của C.S đưa đến các Trung-tâm Cải-huấn để cải tạo tư tưởng, ruộng đất của chúng sẽ bị tịch thu để cấp phát cho nông dân).
- Ruộng đất tư (kể cả ruộng đất tự đình, tự miếu, ruộng đất của các tôn giáo).

Việc Cải-Cách Điền-Đìa được thực hiện như sau :

1. Công điền, công thổ và ruộng đất tịch thu của C.S sẽ cấp phát cho nam nữ công dân từ 18 tuổi trở lên hiện thực sự cư ngụ trong ấp và phải trực canh : nông dân trực canh, công nhân nông nghiệp.

2. Ruộng đất tư :

- Điền chủ trực canh được giữ lại một diện tích tối đa 15 mẫu tại Nam-phần và 10 mẫu tại Trung-phần. Chính phủ sẽ khuyến khích chủ điền cơ giới hóa, thuê nhân công hoạt động như một đồn điền hoặc tổ chức thành hợp-tác-xã. Sau thời hạn 3 năm, nếu địa chủ không trực canh, không tổ chức thành hợp-tác-xã hoặc ruộng không đạt đến năng suất luật định thì chính phủ sẽ truất hữu luôn suất lưu trí trực canh này. Giá bán sẽ do một Hội-đồng gồm đại diện chính phủ và địa chủ ấn định theo thời giá.

Trước đó, việc bồi thường được ấn định như sau :  
Về tiền mặt : 100o/o cho 10 mẫu đầu bị truất hữu, 50o/o cho 20 mẫu kế tiếp, 25o/o cho mẫu thứ 31 trở đi. Về trái phiếu : dư số còn lại trả bằng trái phiếu trong 5 năm với lãi suất hằng năm 5o/o.

- Tôn giáo : để tránh những đụng chạm xảy ra, có thể kêu gọi lòng tự nguyện của các tôn giáo hay cho phép tôn-giáo khai thác trong vòng 5 năm, quá hạn sẽ bán lại cho chính quyền để hữu sản hóa nông dân.

Trong giai đoạn này vì công điền được phân cấp, do đó để xã có tài nguyên điều hành công việc, mỗi nông dân sẽ đóng 1 số thuế từ 1o/o đến 5o/o tổng số lợi tức nông nghiệp thu hoạch hằng năm.

b)- Giai đoạn 2 : Tổ chức các cộng đồng thôn ấp trong khung cảnh các làng "Hợp-tác-xã". Xưa nay sinh hoạt nông thôn là một sinh hoạt ích kỷ, dành dặt để mưu sinh cho

cá nhân : từ quyền lợi kinh tế đến ưu thế chính trị. Nay với tất cả thiện chí cùng chung lưng đầu cật xây dựng một cuộc sống cộng đồng, tập thể để tạo cơ hội thăng tiến đồng đều, dần đưa quốc gia từ một nước trình độ thấp kém đến một quốc gia phú cường, bắt kịp đà tiến bộ của các quốc gia tiên tiến.

Trong giai đoạn này, công điền, công thổ, ruộng tịch thu của C.S, ruộng của điền chủ không trực canh bị truất hữu sẽ không phân cấp riêng cho từng người mà sẽ được tập trung trong các tổ chức hợp-tác-xã. Tất cả nông dân sẽ góp công để canh tác, chính quyền sẽ yểm trợ : kỹ thuật, tư bản.

Sau mỗi vụ mùa, số lợi tức thu hoạch sẽ phân chia như sau : một phần cho quỹ điều hành của hợp-tác-xã, một phần đóng góp vào công quỹ quốc gia để thay số tiền công điền trích trí trước đây (số tiền này còn được xem như tiền chiết cựa cơ giới), số còn lại sẽ là lợi tức của xã viên tùy theo số công đã đóng góp trong việc sản xuất.

Với các khu canh tác cộng đồng chúng ta rất dễ áp dụng cơ giới, tiện lợi trong việc cấp thủy, phân thủy cũng như các phương tiện và dịch vụ của chính quyền giúp đỡ sẽ đến tận tay người dân và vốn của chính phủ bỏ ra sẽ có ngày thu lại được.

Đối với địa chủ bị truất hữu, chính phủ sẽ hướng dẫn để dùng tiền bồi thường đầu tư vào các ngành kỹ nghệ (công ty giấy, công ty đường, công ty thủy tinh).

b)- Giai đoạn 3 : Đây là giai đoạn hoàn tất cuộc CCDD bằng cách :

- Tân dụng tất cả đất đai có thể canh tác được, khai khẩn đất hoang, dời khu gia cư đến các vùng thừa đất vắng

người để quân bình vấn đề phân phối dân số.

- Truất hữu ruộng đất của tôn giáo
- Cơ giới hóa nông nghiệp để dần tiến đến kỹ nghệ hóa xứ sở.

PHẦN  
KẾT-LUẬN

Samuel Huntington, giáo sư chính trị học Đại-Học đường Havard đã nói : "con đường đi của nhà cải cách thật rất khó khăn" vì nhà cải cách phải dẫn mình vào một cuộc chiến rất nhiều mặt trận cùng số người tham gia nhiều vô kể, và trong cuộc chiến này đồng minh của ông trong mặt trận này lại là địch thủ trong một mặt trận khác.

Những thành quả phát sinh từ luật "NCCR" sau hai năm thực thi đã được công nhận nhưng nhà cầm quyền đã bị ám ảnh bởi nhu cầu chính trị : thu phục nhân tâm nên đã không tránh được những quán lực cùng những bất hợp lý trên hai bình diện nguyên tắc và thực tế, hậu quả là có một sự bất quân bình giữa lý thuyết (cải tạo xã hội, tạo cơ hội thăng tiến ....) đã đề ra và thực trạng nông dân khiến niềm hy vọng vào công cuộc cải cách giảm thiểu nhiều.

Trở lực quan trọng nhất là chiến tranh, ngày nào còn chiến tranh, ngày nào nông thôn còn bất an ninh, ngày đó CCĐĐ không thể phát động tốt đẹp được; chưa kể rằng nhà cầm quyền không nên có một ảo tưởng mà cho rằng CCĐĐ là một phương thuốc thần diệu chữa hết được tất cả những căn bệnh kinh tế, CCĐĐ theo định nghĩa của nó là một sự cải cách chứ không phải là một cuộc cách mạng. Cuộc cách mạng phải được thể hiện dưới hình thức kỹ nghệ hóa xứ sở, điều này có ý nghĩa rằng CCĐĐ quan trọng nhưng không phải là yếu tố quyết định trong việc phát triển kinh tế quốc gia, chúng ta hãy xem đây những tác dụng hỗ trợ của kỹ nghệ :

- Tạo tiêu trường cho nông sản : các nguyên liệu nguồn gốc nông sản sẽ có tiêu trường ngay trong xứ, chưa kể rằng khu vực II đang mở mang sẽ gia tăng lợi tức nên sẽ khích lệ mức cầu về nông sản.



Thu dụng nhân công thặng dư : nạn thất nghiệp trá hình là một đặc điểm của các quốc gia hướng nông, tình trạng khiếm dụng sẽ theo với đà gia tăng dân số và càng trầm trọng hơn khi du nhập các dụng cụ tiết dụng nhân công; nhờ kỹ nghệ sẽ thu dụng số nhân công thặng dư này.

- Cung cấp vật liệu và trang bị cần thiết cho nông nghiệp : nông gia nhờ vào kỹ nghệ mở mang sẽ mua nông cơ, nông cụ rẻ tiền và thích hợp với diện tích canh tác cũng như phân bón, thuốc sát trùng được cung cấp kịp thời và đúng với sự đòi hỏi của mùa màng.

Ngoài ra kỹ nghệ có tác dụng gián tiếp quan trọng như : thu hút được tư bản của điền chủ bị truất hữu, hệ thống kiều lộ mở mang giúp chuyển vận mau lẹ như vậy nông sản được thương mại hóa.

Tóm lại trong viễn tượng kỹ nghệ hóa xứ sở để theo kịp đà tiến bộ của các quốc gia tiên tiến, CCĐĐ chỉ được xem là một giai đoạn trong diễn trình tiến hóa của phát triển kinh tế quốc gia và ngay từ bây giờ cần có một quan niệm phát triển quân bình và hòa điệu giữa canh nông và kỹ nghệ : nông nghiệp sẽ cung cấp nguyên liệu thực phẩm cho khu vực kỹ nghệ và kỹ nghệ sẽ tạo tiến bộ kỹ thuật cho khu vực nông nghiệp.

Saigon, ngày 20 tháng 9 năm 1972

NGUYỄN-NGỌC-HÙNG

## I HU - I ICH

### a) Sách :

Hoàng-văn-Chí	Từ thực dân đến C.S, Mạc-Định đg, chân trời mới 1966.
Nguyễn-thế-Anh	Kinh-tế và xã-hội VN thời Pháp thuộc
Meier và Baldwin	Phát-triển kinh-tế
Phạm-công-Dưỡng	Thực-trạng nông dân thời Pháp thuộc.

### b) Báo định kỳ :

Đoàn-minh-Quang	Nông-nghiệp và tiềm năng Q.G, Gấp-tiến (10/69)
Hoàng-xuân-Hào	Nhận xét về Luật "NCCR". Nghiên-cứu Hành-chánh (tam cá nguyệt/1970)
Nguyễn-chính-Đoan	Sau Luật "NCCR" Nghiên-cứu Hành-chánh (tam cá nguyệt/1970)
Nguyễn-văn-Hào	Một đường hướng mới cho K.T VN, Gấp-tiến (10/69)
Nguyễn-xuân-Tùng	Biện pháp nâng đỡ nông dân và hoàn thiện chính sách CCDD, Gấp-tiến (10/69)

### c) Báo hằng ngày :

- "Các tổ chức nông dân báo nguy" Chính-luận 12/7/72 tr.1
- "VNCH kiểm-soát 1/2 số ếp ở quân Khu IV, Cộng-sản chiếm  
75 ếp còn lại là xôi-dầu", Chính-luận 1/4/72 trang 3.
- " Chính-phủ đã lập mưu bày kế tính loại lái gạo, tự  
mua của nông dân", chính-luận 5/1/1972 trang 1.

Nghị-sĩ Trần-văn-Quá

Đời sống nông dân (hay người cày cấy 1 năm có ruộng, diễn đàn Chính-luận 17.4.1971 trang 2

Nghị-sĩ Lê-văn-Đông và Đoàn-văn-Cừ

Ý nghĩa công cuộc CCĐĐ, diễn đàn Chính-luận 30.3.71 trang 2

Hà-minh-Ký

Góp ý kiến vào kế hoạch phát triển kinh-tế nông thôn Chính-luận 5.4.1971 tr. 2

d) Ấn-phẩm Chính-phủ và Quốc-hội :

- Công cuộc CCĐĐ tại VNCH, Bộ CCĐĐ và PTNNM
- Tài liệu giải thích Luật "NCCR" ngày 15.4.1970 Bộ CCĐĐ và PTNNM.
- Thành quả một năm thi hành chương trình "NCCR" Bộ CCĐĐ và PTNNM.
- Dự thảo luật 98/69/HP ngày 7.7.1969
- Dự án luật ấn-cịnh chính sách CCĐĐ tại VN. của Hạ-viện ngày 5.9.1969
- Dự án luật NCCR ; của Thượng viện ngày 6.3.1969.

e) Luận-văn :

Bằng-ngọc-Vân

Vấn đề cải cách điền địa tại VN, HVQGHC 1970

Ôn-nhứt-Vĩnh

Nghiên cứu và phẩm bình NCCR, HVQGHC 1971

g) Giảng-thuyết :

Nguyễn-văn-Hào

Phát-triển kinh-tế Giảng-thuyết HVQGHC 8/1971

Nguyễn-ngọc-Vân

Định chế kinh-tế VN giảng-thuyết HVQGHC 1/1970

I. Thông tin về tài liệu

- Ký hiệu: LVHC 334 Tên tài liệu: Phê bình luật "Người cấy có ruộng"
- Loại tài liệu: LA Kích thước, số trang: 22 tr
- Người giao: B.C. Người, ngày nhận: .....
- Hợp đồng  Kế hoạch  Khác (tự nhân):
- Yêu cầu scan
- Bình thường  Cần file Raw  Khác:



II. Phục chế trước số hóa:

- Kỹ thuật: .....
- Người thực hiện: ..... Thời gian: .....

III. Kỹ thuật số hóa áp dụng

- Camera. Người thực hiện: ..... Thời gian: ..... Kỹ thuật: .....
- Bookeyes. Người thực hiện: ..... Thời gian: ..... Kỹ thuật: .....
- Proserv. Người thực hiện: ..... Thời gian: ..... Kỹ thuật: .....
- Khác ..... Người thực hiện: T.T.T Thời gian: 4.7/13 Kỹ thuật: .....

IV. Xử lý sau số hóa: (tên/ thời gian).....

- Edit     Giảm size     PDF

IV. Lưu dữ liệu/ Biên mục

- Không phục vụ     Phục vụ hạn chế     Phục vụ rộng rãi

- Lưu dữ liệu (tên/ ngày lưu).....